



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN — 2015 —



**Kết nối khác biệt
tạo dựng giá trị**





NỘI DUNG

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG	3
1. Quá trình hình thành và phát triển	4
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	5
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	12
4. Định hướng phát triển	44
5. Các rủi ro	44
PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	49
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	50
2. Tổ chức nhân sự	52
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	54
4. Tình hình tài chính	60
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	62
PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	63
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	64
2. Tình hình tài chính	70
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	71
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	72
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	76
PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	79
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	80
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	82
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	84
PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY	91
1. Hội đồng quản trị	92
2. Ban Kiểm soát	98
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	100
PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH	101

PHẦN 1

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro





1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0311315789**
- Vốn điều lệ: **407.000.000.000 đồng**
- Địa chỉ: **Lầu 14 Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TPHCM**
- Số điện thoại: **08 62 680 680**
- Số fax: **08 62 991 188**
- Website: **www.bamboocap.com.vn**
- Mã cổ phiếu: **BCG**



Quá trình hình thành và phát triển

BCG được thành lập năm 2011 với 2 lĩnh vực hoạt động chính:

- ◆ Dịch vụ ngân hàng đầu tư: huy động vốn, tái cơ cấu, tư vấn tài chính, tư vấn niêm yết, đầu tư dự án và tư vấn M&A
- ◆ Tư vấn và cung cấp giải pháp CNTT: quản lý dự án, xây dựng data center,..

Năm 2013, BCG chuyển đổi thành công ty đầu tư và mở rộng thêm 2 mảng:

- ◆ Hoạt động thương mại: phân bón, thức ăn gia súc, đậu nành
- ◆ Đầu tư mua bán và sáp nhập doanh nghiệp để đạt tăng trưởng vượt bậc

BCG, đến cuối năm 2015, là công ty đa ngành có hơn 15 công ty thành viên và công ty liên kết hoạt động trên các lĩnh vực có tiềm năng, sẵn sàng phát triển trong giai đoạn Việt Nam hội nhập với kinh tế thế giới, đặc biệt khi hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) có hiệu lực.



2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

2.1 CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH CỦA BCG:

Công ty Cổ phần **Bamboo Capital** là một doanh nghiệp đa ngành với các lĩnh vực hoạt động chính:

- (i) Hoạt động cung cấp dịch vụ tư doanh nghiệp và ngân hàng đầu tư;
- (ii) Hoạt động đầu tư M&A;
- (iii) Hoạt động thương mại;
- (iv) Phát triển dự án.

Hoạt động tư vấn doanh nghiệp và ngân hàng đầu tư

Thông qua các sản phẩm tài chính chuyên biệt và sáng tạo, BCG thiết kế và cung cấp cho khách hàng các gói giải pháp tài chính lý tưởng nhằm tối ưu danh mục đầu tư của khách hàng.

Dịch vụ ngân hàng đầu tư bao gồm các sản phẩm: Sản phẩm thị trường vốn; Sản phẩm thu nhập cố định; Chứng chỉ lưu ký toàn cầu (GDRs) và Chứng chỉ lưu ký tại thị trường Mỹ (ADRs); Hỗ trợ vốn thực hiện tái cấu trúc và phát hành



Thương vụ điển hình của BCG gần đây là tư vấn cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai thực hiện mua lại Ansen Investments Limited (công ty tại Hongkong) bằng hình thức hoán đổi cổ phần.



Với đội ngũ tư vấn lành nghề, cùng với mạng lưới các cộng tác viên trong nước và quốc tế, BCG đảm bảo cung cấp cho khách hàng các dịch vụ tư vấn đầu tư hợp lý, góp phần mang lại hiệu quả thiết thực cho các nhà đầu tư kinh doanh tại Việt Nam, bao gồm:

- ❖ Hỗ trợ vốn cho các dự án;
- ❖ Tư vấn M&A;
- ❖ Đầu tư dự án;
- ❖ Tư vấn và phát triển bất động sản



Hoạt động đầu tư M&A

BCG xem hoạt động đầu tư và mua bán sáp nhập doanh nghiệp là nền tảng cơ bản cho việc tăng trưởng và nhanh chóng mở rộng quy mô hoạt động, đồng thời tạo dựng giá trị một cách hiệu quả cho cổ đông.

Có thể nói, việc phát triển hoạt động tư vấn và dịch vụ ngân hàng đầu tư của BCG trong những năm trước đã tạo tiền đề rất tốt cho hoạt động đầu tư của Công ty. Thông qua hoạt động tư vấn và dịch vụ ngân hàng đầu tư của mình, BCG đã tận dụng cơ hội được tiếp xúc với nhiều loại hình doanh nghiệp, từ đó đưa ra những phân tích đánh giá cần thiết về tình hình hoạt động để rồi tìm ra những doanh nghiệp tốt, có tiềm năng và có ngành nghề kinh doanh phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.



Sau một thời gian dài nắm bắt rõ tình hình, BCG trực tiếp hoặc phối hợp với khách hàng tiến hành các hoạt động mua bán để chi phối và sở hữu các công ty con. Việc làm này giúp công ty trực tiếp hiện thực hóa các cơ hội cũng như thể hiện tính gắn kết dài hạn và chiến lược với các đối tác.

Trong những năm qua, BCG đã đầu tư vào các công ty liên kết với tỷ lệ sở hữu dưới 40% bao gồm: Công ty Cổ phần Thương mại Giải pháp tre, Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Trường Thành Đại Nam Security và hợp tác đầu tư tham gia 25% trong dự án nhà ở CBCS Nguyễn Xiển (Hà Nội). Tính đến thời điểm Quý IV/2015, BCG đã thực hiện đầu tư M&A chi phối với tỷ lệ nắm giữ trên 50% vào các công ty thành viên bao gồm: Công ty Cổ Phần Thành Phúc, Công ty Cổ phần Nguyễn Hoàng, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Vận tải Tracodi, Công ty Phú Thuận, gián tiếp sở hữu 51% Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và chế biến VLXD (Antraco).

Hoạt động thương mại

Nhằm tận dụng và đón đầu cơ hội Việt Nam sẽ gia nhập TPP và lợi thế hệ thống các công ty thành viên đa ngành, BCG đã bắt đầu tập trung khai thác các hoạt động thương mại xuất nhập khẩu. Lợi thế BCG tập trung phát triển mảng thương mại trên những dòng sản phẩm chủ lực được sản xuất từ các công ty thành viên (đồ gỗ, tinh bột sắn, café, đá xây dựng, nông sản) hỗ trợ tương hỗ cùng phát triển.

Bên cạnh đó, Công ty cũng nỗ lực tìm kiếm cơ hội làm đại diện nhà phân phối tại Việt Nam các sản phẩm tiêu dùng thiết yếu như: sữa, cà phê, hóa chất phục vụ nông nghiệp (phân bón)....

Hoạt động thương mại của BCG công ty mẹ còn tận dụng được lợi thế mối quan hệ các doanh nghiệp trong và ngoài nước BCG có được trong quá trình làm tư vấn doanh nghiệp từ đó tạo ra mạng lưới kết nối giao thương rộng lớn cho BCG.



Phát triển dự án

Phát triển dự án cũng là một mảng trọng tâm trong chiến lược phát triển trung và dài hạn của BCG thông qua việc phân tích đánh giá những dự án tiềm năng có giá trị tạo ra dòng tiền ổn định trong tương lai.

Trong năm 2015 BCG đã đầu tư vào công ty ACG Việt Nam liên doanh với tập đoàn Salesforces (Singapore) độc quyền phát triển kinh doanh cho ứng dụng quản trị bán hàng tại Việt Nam; đầu tư vào công ty Viet Golden Farm để phát triển dự án trang trại chăn nuôi bò sinh sản tại Lào và dự án sản phẩm café sạch dạng viên nén (capsual); dự án triển khai ứng dụng công nghệ e-logistic cho lĩnh vực thương mại điện tử.



Các dự án BCG đang nghiên cứu triển khai được đánh giá đón đầu xu thế phát triển của thị trường, tạo ra doanh thu ổn định trong tương lai khi dự án thành công.

Ngoài ra, trong năm 2015 BCG cũng đã tiếp cận với những dự án trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng như: dự án BOT nâng cấp mở rộng QL62 (liên doanh cùng PPI); dự án nâng cấp mở rộng đường trục trung tâm TP Lạng Sơn – cửa khẩu Đồng Đăng. BCG cũng tham gia phát triển dự án nhà máy xử lý rác thải tại Lâm Đồng.

2.2 ĐỊA BÀN KINH DOANH

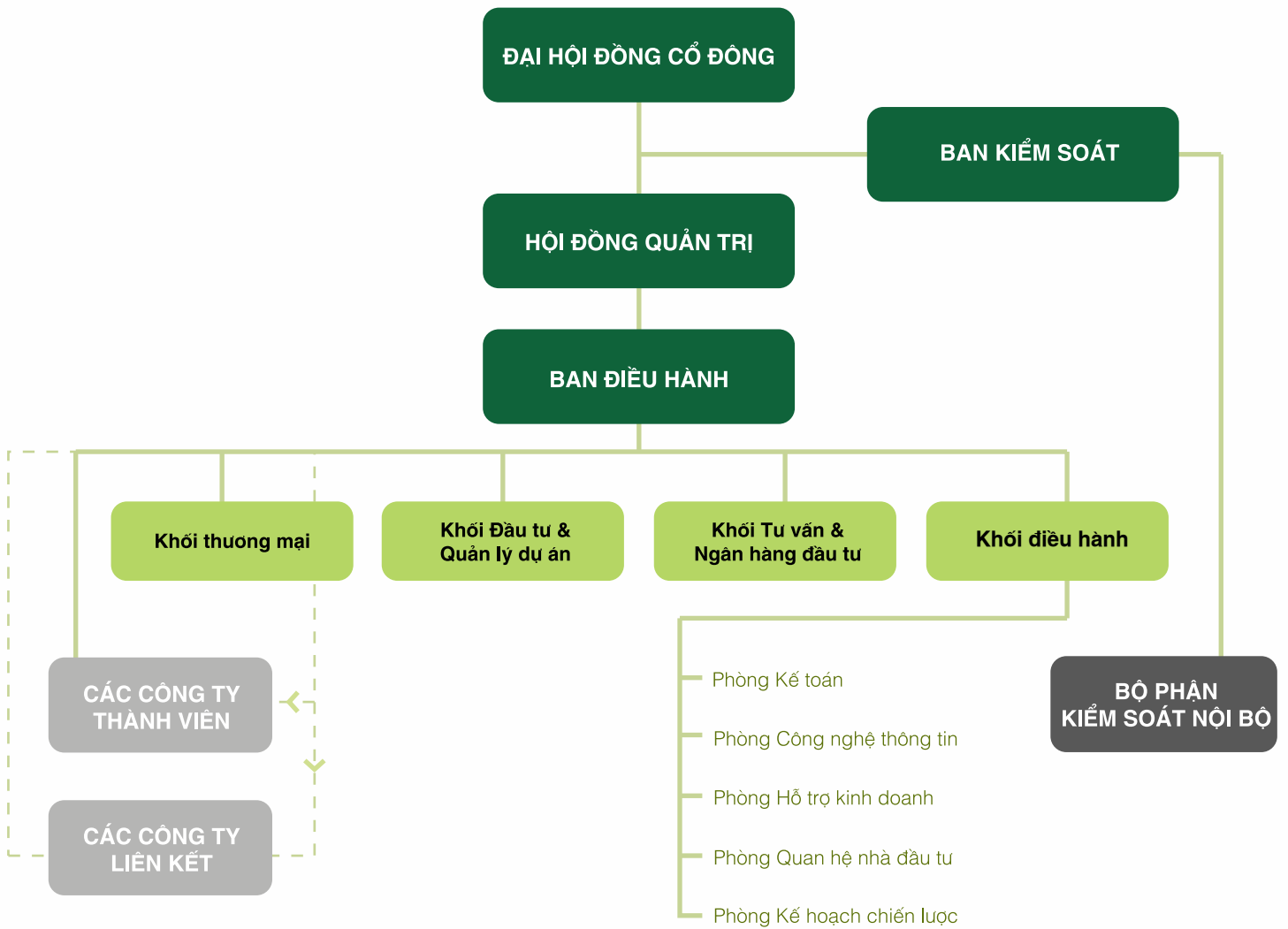
BCG là một trong những công ty đa ngành hoạt động tại Việt Nam với hoạt động đầu tư hiệu quả cung cấp các chuỗi sản phẩm và dịch vụ chất lượng.





3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

3.1 CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

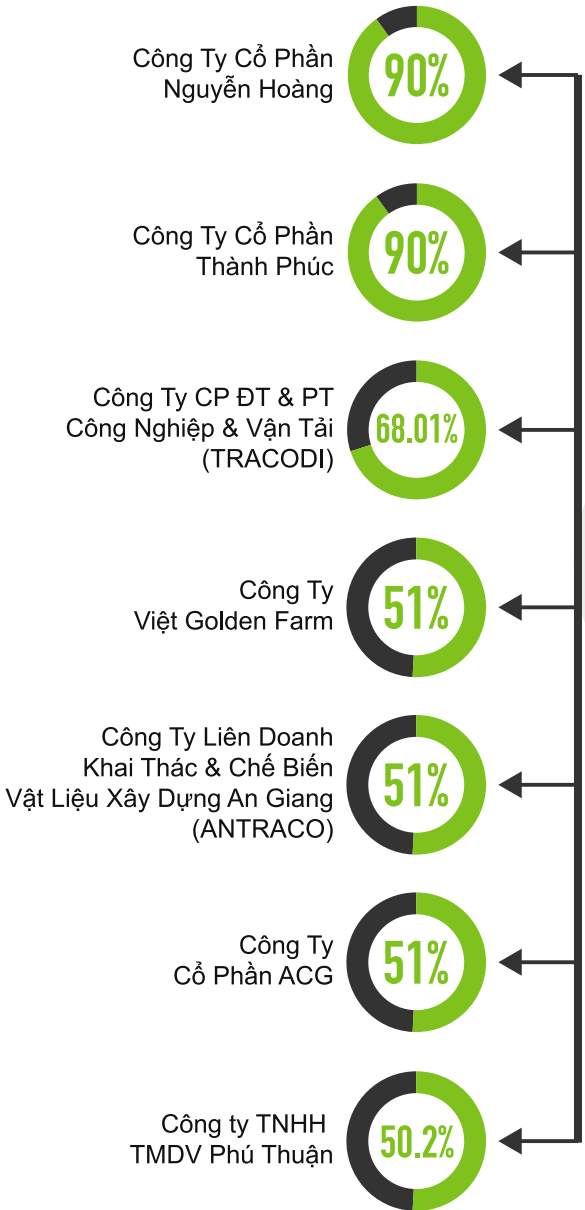




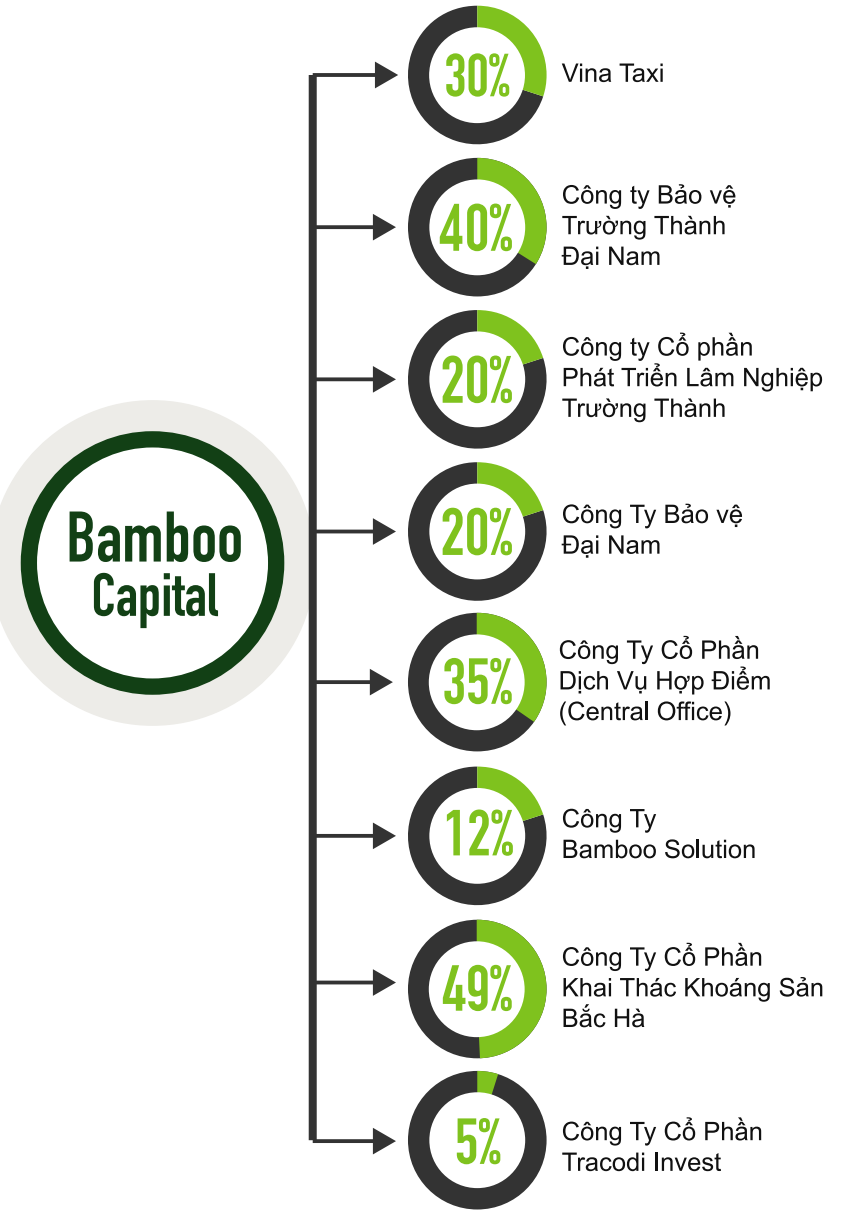
3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

3.2 CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY THÀNH VIÊN




CÔNG TY LIÊN KẾT



A. CÔNG TY THÀNH VIÊN:

1. Công ty Cổ phần đầu tư phát triển và vận tải Tracodi (Tracodi)

Thông tin chung:

 Thành lập từ năm 1990, Tracodi luôn không ngừng phát triển bền vững, ổn định và khẳng định vị trí của mình, tạo nên thương hiệu có uy tín trong các lĩnh vực: xây dựng công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng; dịch vụ xuất khẩu lao động, dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ du lịch; liên doanh liên kết trong nước và ngoài nước; đầu tư dự án.


Đến nay Công ty đã phát triển một bước rất dài trong mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, và sở hữu mức vốn có thể đối ứng tham gia nhiều dự án lớn với trên 300 CBNV quản lý và lao động công trường.


 Trụ sở chính: 89 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Quận 1, Tp. HCM



2. Công ty Cổ phần Thành Phúc

Thông tin chung

 Thành Phúc là doanh nghiệp sản xuất và chế biến sàn gỗ ép. Các sản phẩm của công ty được xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

 Trụ sở chính: KCN Đông Bắc Sông Cầu, xã Xuân Hải, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

 Năm thành lập: 2004


 Thị trường xuất khẩu: Châu Âu, Úc, Singapore, Nhật Bản

 Công ty chưa niêm yết.



3. Công ty Cổ phần Nguyễn Hoàng

Thông tin chung

 Nguyễn Hoàng là doanh nghiệp kinh doanh sản xuất gỗ và các sản phẩm từ gỗ; đặc biệt là doanh nghiệp lớn nhất sản xuất đồ gỗ cao cấp ngoài trời tại miền Trung Việt Nam. Năm 2007, Nguyễn Hoàng đã được cấp giấy chứng nhận FSC – CoC (chứng nhận chuỗi khai thác, chế biến đến thành phẩm, xác định nguyên liệu từ rừng đã được quản lý tốt, kết nối trong quy trình sản xuất). Năm 2015, Nguyễn Hoàng đã trở thành công ty thành viên trong Bộ tiêu chuẩn Sáng kiến tuân thủ xã hội của doanh nghiệp (BSCI),



Trụ sở chính: KCN Nhơn Hòa, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định.



Năm thành lập: 2000



Số lượng nhân viên: 300 - 400



Thị trường xuất khẩu: Mỹ, Châu Âu, Úc, Singapore (chiếm hơn 80% doanh thu)




Công ty chưa niêm yết.




4. Công ty Cổ phần ACG Việt Nam (ACG)


Thông tin chung

 ACG là công ty chuyên về giải pháp công nghệ thông tin và quản trị doanh nghiệp, liên kết với Salesforce. Các sản phẩm của công ty bao gồm các giải pháp phần mềm quản lý và phát triển, giải pháp hệ thống cho các công ty, nghiên cứu và phát triển và cung cấp các sản phẩm phần mềm khác để phục vụ quy trình toàn cầu hóa cho các doanh nghiệp.

 Trụ sở chính: Tp. Hồ Chí Minh

 Năm thành lập: Tháng 8/2015


 Số lượng nhân viên: 6

 Công ty chưa niêm yết.




5. Công ty Liên doanh khai thác và chế biến vật liệu xây dựng An Giang (Antraco)


Thông tin chung


 Là liên doanh giữa Tracodi và Công ty cơ khí An Giang, với bề dày trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực khai thác đá, Antraco sở hữu mỏ đá lớn nhất tại vùng ĐBSCL với chất lượng đá cường độ kháng nén cao rất tốt để cung cấp cho những dự án xây dựng đòi hỏi tiêu chuẩn cao.

 Trụ sở chính: Núi Dài Lớn, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang

 Năm thành lập: 1994

 Tổng diện tích khai thác: 70 ha


 Trữ lượng còn chưa khai thác: 20 triệu m³

 Công ty chưa niêm yết.



6. Công ty Việt Golden Farm (VGF)


Thông tin chung


 Được thành lập vào năm 2015, VGF hoạt động trên các lĩnh vực: chăn nuôi bò thịt, trồng trọt và các hoạt động phục vụ và hỗ trợ sản xuất nông nghiệp. Ngoài triển khai dự án nuôi bò giống, VGF cũng kinh doanh sản phẩm cà phê viên nén capsulé thương hiệu Nesso.

 Trụ sở chính: Tp. Hồ Chí Minh

* Dự án nuôi bò sinh sản và trồng cỏ:

 Liên doanh giữa VGF và Mekong JVC tại tỉnh Sekông, Lào

 Tổng diện tích: 100 ha – (2ha xây chuồng trại, 2ha kho bãi và công trình phụ trợ, diện tích còn lại sử dụng làm cánh đồng trồng cỏ hoặc bắp cung ứng thức ăn tại chỗ cho trang trại).

 Tổng mức đầu tư: Công ty dự tính nhập 1,700 con bò giống đầu tư ban đầu trong 2 năm (giống Brahman, Red Angus), trong 10 năm trang trại sẽ cung ứng cho thị trường hơn 9,000 con bò và tổng đàn duy trì thường xuyên hơn 3,500 con.

Dự kiến VGF sẽ xin chủ trương triển khai nuôi bò tại tỉnh Lạng Sơn lên đến 1.500 con bò.

7. Công ty Thương Mại Dịch Vụ Phú Thuận

Được thành lập năm 2005, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, phân phối hàng tiêu dung chất lượng cao cho các kênh bán lẻ và Horeca tại Tp.HCM. Ngoài ra, công ty cũng tham gia tại nhà máy Mekong JVC - Lào với công suất 150 tấn/ngày.

Trụ sở chính: Tp.Hồ Chí Minh





Việt Golden Farm ký kết hợp đồng hợp tác gia công chăn nuôi bò giống tại Lào



B. CÔNG TY LIÊN KẾT:

1. Công ty Cổ phần Khai thác khoáng sản Bắc Hà (Bắc Hà)

 Từ năm 2013, Bắc Hà sở hữu giấy phép khai thác 4 mỏ bauxite tại tỉnh Lạng Sơn đến năm 2027.

 Trụ sở chính: xã Hung Vũ , huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn

 Năm thành lập: 2005

 Diện tích khai thác (Bauxite): 80 ha


 Trữ lượng còn lại chưa khai thác (Bauxite): 36 triệu tấn

 Thị trường xuất khẩu chính: Trung Quốc

 Công ty chưa niêm yết.





2. Công ty Central Office (CO)

 Tổng quan: Central Office cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng với các gói nhu văn phòng ảo và văn phòng chia sẻ, và các dịch vụ hỗ trợ đính kèm: đăng ký pháp lý, kế toán thuế và phòng họp cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

 Nhóm ngành: Văn phòng ảo và văn phòng chia sẻ

 Năm thành lập: 2012

 Số nhân viên: 10 người

 Trụ sở: TP.HCM



3. Công ty Taxi Việt Nam (Vinataxi)


 Tổng quan:

- Công ty kinh doanh dịch vụ taxi đầu tiên của Việt Nam.
- Là liên doanh giữa Tracodi và ComfortDelGro
- Một trong những công ty kinh doanh dịch vụ taxi lớn nhất thế giới.

 Nhóm ngành: Dịch vụ taxi

 Năm thành lập: 1992

 Số nhân viên: 720 người

 Trụ sở: TP.HCM






4. Công ty CP Bamboo Solution

-  Nhóm ngành: Phát triển giải pháp phần mềm CNTT
-  Năm thành lập: 2012
-  Trụ sở: TP.HCM



5. Công ty CP Tracodi Invest

-  Nhóm ngành: Đầu tư phát triển Bất động sản
-  Năm thành lập: 2015
-  Trụ sở: TP.HCM





6. Công ty bảo vệ Trường Thành Đại Nam Security



Nhóm ngành: Dịch vụ bảo vệ - trên 200 bảo vệ



Năm thành lập: 2014



Trụ sở: Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội

7. Công ty bảo vệ Đại Nam



Nhóm ngành: Dịch vụ bảo vệ - trên 800 bảo vệ



Năm thành lập: 2006



Trụ sở: TP.HCM



8. Công ty CP Đầu tư Phát triển Lâm nghiệp Trường Thành



Nhóm ngành: Lâm nghiệp



Năm thành lập: 2014



Trụ sở: Quảng Ngãi



3.3 THÔNG TIN VỀ BAN CỐ VẤN, THÀNH VIÊN HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT

A. THÔNG TIN VỀ BAN CỐ VẤN



1. Phó Giáo sư - Tiến sĩ **Đặng Việt Bích:**

- ◆ Phó giáo sư - Tiến sĩ Đặng Việt Bích là thành viên Ban cố vấn BCG từ tháng 4.2015
- ◆ Ông từng giữ chức vụ Phó Viện trưởng Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam.
- ◆ Ông là một trong những giáo sư đầu ngành đã đào tạo ra nhiều thế hệ tiến sĩ, cử nhân và có những đóng góp đáng kể vào việc nghiên cứu và giảng dạy tại trường đại học văn hóa Hà Nội từ năm 1964 đến năm 2000. Giai đoạn 1999-2013, ông là chủ nhiệm dự án “Xây dựng chương trình và giáo trình quản lý văn hóa nghệ thuật” của Đại học Văn hóa Hà Nội do quỹ FORD tài trợ.
- ◆ Trong suốt quá trình tham gia nghiên cứu và giảng dạy, Phó giáo sư tiến sĩ Đặng Việt Bích đã cho công bố hơn 8 đề tài khoa học, 200 bài báo, tham luận trên các tạp chí chuyên ngành và xuất bản được 6 đầu sách nội dung về văn hóa Việt Nam.
- ◆ Ông vinh dự được nhận nhiều huy chương cao quý của Nhà nước Việt Nam như: Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục đào tạo (1995); Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp khoa học xã hội (2003); Huy chương Vì sự nghiệp văn học nghệ thuật (2004), Huy chương Lao động hạng 2 (2011).

2. Tiến sĩ **Phan Thanh Nam**:



- ◆ Tiến sĩ Phan Thanh Nam là thành viên Ban cố vấn BCG từ tháng 4.2015
- ◆ Tiến sĩ Phan Thanh Nam là người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực quản lý, điều hành, và nghiên cứu khoa học.
- ◆ Ông Nam là một trong những thế hệ đầu tiên xây dựng và phát triển công ty Đầu tư Phát triển Giao thông Vận tải (Tracodi)- tiền thân của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công Nghiệp và Vận tải (Tracodi) ngày nay.
- ◆ Hơn 20 năm công tác tại Tracodi, ông lần lượt đảm nhận các vị trí quan trọng như: Tổng Giám Đốc (giai đoạn 1993-1994); Chủ tịch Hội đồng quản trị (1995-2013); thành viên Hội đồng quản trị (2013-2015).



3. Chuyên viên cao cấp **Bùi Thành Chi:**

- ♦ Chuyên viên cao cấp Bùi Thành Chi là thành viên Ban cố vấn BCG từ tháng 4.2015
- ♦ Với 38 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý y tế, ông Chi được Bộ Nội Vụ và Bộ Y tế xếp Hạng Chuyên viên Quản lý y tế cao cấp bậc cao nhất.
- ♦ Giai đoạn 1979 đến 1989, ông đảm nhiệm vị trí Chánh văn phòng Sở Y Tế Hải Phòng. Sau đó, từ năm 1989 đến 1997, ông giữ chức vụ Giám đốc bảo hiểm y tế thành phố Hải Phòng, đây cũng là nơi được Bộ Y tế chỉ định làm mô hình thí điểm bảo hiểm y tế của Việt Nam.
- ♦ Giai đoạn 1997-2009, ông giữ chức vụ Phó giám đốc bệnh viện Bạch Mai, tại đây ông đã cùng tập thể lãnh đạo Bệnh viện Bạch Mai, xây dựng bệnh viện trở thành Bệnh viện Hạng đặc biệt đầu tiên của quốc gia.

- ◆ Năm 2010, ông đầu tư vào hệ thống y tế tư nhân, ông hiện là Chủ tịch Bệnh viện Phụ sản Tâm Phúc Hải Phòng, Chủ tịch Phòng khám đa khoa 33 Kỳ Đồng Hải Phòng, Chủ tịch Công ty TNHH Golden Care đầu tư vào dự án Trung tâm can thiệp tim mạch Bệnh viện Tim Hà Nội.
- ◆ Ông cũng là tác giả cuốn sách “Bảo hiểm y tế những bước đi đầu tiên” viết về những tư duy và đề xuất những bước đi đầu tiên để xây dựng hệ thống Bảo hiểm y tế của Việt Nam từ thập niên 80 của thế kỷ 20 xuất bản năm 2014.
- ◆ Với các thành tích cống hiến cho phát triển sự nghiệp y tế và chăm lo sức khỏe cộng đồng tại Việt Nam, ông đã được Nhà nước Việt Nam tặng thưởng 3 Huân chương Lao động Hạng Nhất, Hạng Nhì, Hạng Ba và Huy chương Vì sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.



4. Ông **Shinji Kito**

- ◆ Ông Shinji Kito là thành viên Ban cố vấn BCG từ tháng 8.2015
- ◆ Ông Shinji Kito là người có kinh nghiệm hơn hai mươi năm trên lĩnh vực tư vấn đầu tư, chứng khoán tại Nhật Bản.
- ◆ Năm 1993 đến nay, Ông là Trưởng đại diện kiêm Tổng giám đốc công ty đầu tư Unimax Inc. Ngoài ra, ông hiện là Giám đốc của Công ty chứng khoán Bảo Việt Nhật Bản đồng thời đảm nhận vị trí cố vấn cao cấp cho công ty JLT Holdings, công ty con của tập đoàn môi giới và bảo hiểm tư vấn toàn cầu Jardine Lloyd Thompson.
- ◆ Ông Shinji tốt nghiệp cử nhân đại học Meiji, Nhật Bản.



B. THÔNG TIN VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1. Ông **Leong Kwek Choon** Chủ tịch Hội đồng quản trị

- ♦ Ông Leong Kwek Choon là Chủ tịch Hội đồng quản trị của BCG từ tháng 4.2015
- ♦ Ông Leong có hơn 15 năm kinh nghiệm trên các lĩnh vực như: công nghệ, tư vấn tài chính, đầu tư chứng khoán, bất động sản tại Singapore.
- ♦ Ông từng giữ những vai trò quan trọng của các tổ chức tài chính, công ty chứng khoán hàng đầu tại Singapore như giám đốc kinh doanh tại Lum Chang và UBO Kayhian. Giai đoạn 2004-2010, ông đồng sáng lập và giữ vai trò điều hành Công ty Công nghệ Artivision- niêm yết trên thị trường chứng khoán Singapore vào tháng 8.2008.
- ♦ Ông Leong được vinh dự trao tặng học bổng Lục lượng vũ trang Singapore và ông tốt nghiệp cử nhân thương mại đại học Nanyang Singapore



2. Ông **Nguyễn Hồ Nam** Thành viên sáng lập Phó Chủ tịch HĐQT

- ◆ Ông Nguyễn Hồ Nam là thành viên sáng lập và hiện là Phó Chủ tịch BCG.
- ◆ Ông Nam được biết đến như là một trong những chuyên gia hàng đầu có nhiều thành tích xuất sắc trong việc cung cấp các giải pháp tài chính và chiến lược đầu tư cho các tập đoàn tại Việt Nam và khu vực.
- ◆ Với hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính và tại các tập đoàn đa quốc gia, ông Nam đã cùng các cộng sự thành lập BCG - một trong những công ty đầu tư và tư vấn tài chính hàng đầu tại Việt Nam.
- ◆ Trong 10 năm hoạt động trong ngành tư vấn và đầu tư, ông Nam đã hỗ trợ thu xếp vốn với giá trị gần 1 tỷ USD cho các doanh nghiệp Việt Nam. Hiện nay, ông Nam còn kiêm nhiệm vai trò như: Chủ tịch Công ty quản lý Quỹ Thăng Long; Chủ tịch Công ty CP xây dựng số 9, Chủ tịch Công ty ACG Việt Nam, Thành viên HĐQT Tập đoàn Đức Long Gia Lai, Phó Chủ Tịch Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Vận tải Tracodi.

- ♦ Giai đoạn 2006 - 2011, ông Nam giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty chứng khoán Sacombank (SBS) - một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, hai năm liền (2009 và 2010) đạt giải thưởng “ Dịch vụ ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam” do tạp chí The Asset Hongkong bình chọn. SBS cũng là công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt nam tiên phong trong việc phát triển sản phẩm tài chính cao cấp như phát hành chứng chỉ lưu ký toàn cầu GDRs được niêm yết tại thị trường chứng khoán Luân Đôn.

- ♦ Ông cũng là Chủ tịch Công ty chứng khoán SBS-Cambodia và cố vấn cao cấp HĐQT Công ty chứng khoán LaneXang (Lào).


- ♦ Giai đoạn 1999 - 2006, ông giữ nhiều vị trí quan trọng tại các tập đoàn như Unilever và Sacombank như: Trưởng phòng tài chính, Trưởng phòng Kế toán quản trị tại Unilever Việt Nam và Trưởng bộ phận dự án tài chính tập đoàn Unilever Australia tại Melbourne, Phòng kế hoạch Đầu tư tại Ngân hàng Sacombank.

- ♦ Ông Nam là cử nhân tài chính Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh và thạc sĩ tài chính Ngân hàng đại học Monash, Úc.



- ◆ Ông Nguyễn Thế Tài là một trong những thành viên sáng lập công ty Bamboo Capital và giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Bamboo Capital.
- ◆ Ông Nguyễn Thế Tài được biết và nhắc đến nhiều trong giới Công Nghệ Thông Tin (CNTT) Việt Nam.

3. Ông **Nguyễn Thế Tài** Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc



- ◆ Ông đã có nhiều năm làm việc tại tập đoàn Unilever và là một trong những thành viên đầu tiên của nhóm CNTT do Unilever Việt Nam thành lập. Những đóng góp của ông tại Unilever Vietnam đã được Tập đoàn Unilever đánh giá và nhìn nhận trên góc độ khu vực. Năm 2006, ông trở thành Chuyên viên phát triển CNTT cấp cao tại Unilever Philippine và sau đó ông lãnh đạo nhóm tuân thủ và quản lý quy trình của CNTT vùng tại Singapore vào năm 2007.

- ◆ Cuối năm 2007, ông về Việt Nam điều hành toàn bộ mảng CNTT của Unilever Việt Nam đến năm 2010. Sau đó, ông bước sang lĩnh vực tài chính và trở thành Phó Tổng giám đốc Công ty CP chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín quản lý toàn bộ khối CNTT và khối hỗ trợ.

- ◆ Ông Nguyễn Thế Tài là Cử nhân Quản trị kinh doanh, ĐH Kinh tế, Tp.HCM



4. Ông **Đặng Trung Kiên** Phó Chủ tịch HĐQT

- ◆ Ông Đặng Trung Kiên là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị BCG từ tháng 4.2015. Ông Kiên hiện là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghiệp và vận tải (TRACODI).
- ◆ Ngoài ra, ông còn là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Đầu tư và Phát triển Trường Thành Việt Nam. Với kinh nghiệm hơn 20 năm trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, ông đã thể hiện xuất sắc vai trò điều hành, định hướng hoạt động cho doanh nghiệp đảm bảo đúng pháp luật, nghiệp vụ và hiệu quả.
- ◆ Ông Kiên tốt nghiệp Cử nhân Luật Đại học Luật Hà Nội.



5. Ông **Nguyễn Thanh Hùng** Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

- ♦ Ông Nguyễn Thanh Hùng là Thành viên Hội Đồng Quản Trị và là Phó Tổng Giám đốc của BCG.
- ♦ Ông Hùng có bề dày kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, bất động sản tại các tập đoàn và công ty lớn.
- ♦ Ông Hùng nguyên là Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty TNHH Đầu tư phát triển bất động sản Đông Dương.
- ♦ Từ 2007 - 2011, Ông Hùng đảm nhiệm chức vụ là Tổng Giám Đốc Công ty Chứng khoán Sacombank kiêm thành viên HĐQT của Công ty chứng khoán LaneXang (Lào).
- ♦ Ông Hùng tốt nghiệp cử nhân Anh Văn trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn và cử nhân Tài chính doanh nghiệp trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

C. THÔNG TIN VỀ BAN KIỂM SOÁT



1. Ông **Đinh Hoài Châu** Trưởng Ban kiểm soát

- ♦ Ông Đinh Hoài Châu là thành viên sáng lập kiêm Trưởng Ban Kiểm soát của BCG.
- ♦ Trước khi tham gia BCG ông Châu đã có thời gian học tập và làm việc tại Úc.
- ♦ Ông từng là chuyên viên Kế toán quản trị tại Unique Bags & Luggage Pty Ltd và đảm nhiệm vai trò Trưởng bộ phận Kế toán quản trị cho Caarels Group Pty Ltd.
- ♦ Năm 2007 ông làm việc tại Công ty chứng khoán Sacombank -SBS, lần lượt đảm trách các chức vụ quan trọng như Giám Đốc Chi Nhánh Hà Nội, Phó Tổng Giám Đốc và Phó Chủ Tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Chủ tịch Công ty chứng khoán LaneXang (Lào).
- ♦ Chuyên ngành của ông Châu là Cử nhân Tài chính tín dụng Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh và Cử nhân Kế toán Đại học RMIT Melbourne, Australia.

2. Ông **Bùi Thành Lâm** Thành viên Ban kiểm soát



- ♦ Ông Bùi Thành Lâm là thành viên Ban Kiểm soát của BCG từ tháng 4.2015
- ♦ Trước khi gia nhập vào BCG, ông Lâm có nhiều kinh nghiệm làm cố vấn cao cấp về Việt Nam cho tập đoàn Am-trust Châu Âu- tập đoàn chuyên kinh doanh đầu tư tài chính, bảo hiểm, bất động sản với trụ sở đặt tại Luân Đôn, Vương Quốc Anh.
- ♦ Ngoài ra, ông cũng có nhiều quan hệ sâu rộng với các nhà đầu tư quốc tế như: Anh, Mỹ, Hà Lan, Nhật Bản và Hàn Quốc.
- ♦ Hiện nay, ông là Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn và đầu tư Thái Sơn Sài Gòn.
- ♦ Ông Lâm tốt nghiệp cử nhân và thạc sĩ chuyên ngành Quan hệ Quốc tế đại học Huron, Luân Đôn, vương quốc Anh.

3. Bà **Lê Thị Mai Loan** Thành viên Ban kiểm soát



- ♦ Bà Lê Thị Mai Loan là thành viên Ban Kiểm soát của BCG từ tháng 4.2015
- ♦ Bà Loan hiện là Phó Tổng giám đốc điều hành Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghiệp và vận tải (TRACODI) và Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Central Office .
- ♦ Trước đó, bà Loan đã có kinh nghiệm làm việc tại các Công ty lớn như: Công ty tài chính Cổ phần Handico, Công ty Chứng khoán Sacombank.
- ♦ Bà Loan tốt nghiệp Cử nhân kinh tế trường Đại học Kinh tế Tp.HCM và Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh Quốc tế Đại học Quản trị Paris-PGSM, Pháp.

D. THÔNG TIN VỀ BAN ĐIỀU HÀNH



1. Ông **Nguyễn Thế Tài** Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- ♦ Ông Nguyễn Thế Tài là một trong những thành viên sáng lập công ty Bamboo Capital và giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Bamboo Capital.
 - ♦ Ông Nguyễn Thế Tài được biết và nhắc đến nhiều trong giới Công Nghệ Thông Tin (CNTT) Việt Nam.
-
- ♦ Ông đã có nhiều năm làm việc tại tập đoàn Unilever và là một trong những thành viên đầu tiên của nhóm CNTT do Unilever Việt Nam thành lập. Những đóng góp của ông tại Unilever Vietnam đã được Tập đoàn Unilever đánh giá và nhìn nhận trên góc độ khu vực. Năm 2006, ông trở thành Chuyên viên phát triển CNTT cấp cao tại Unilever Philippine và sau đó ông lãnh đạo nhóm tuân thủ và quản lý quy trình của CNTT vùng tại Singapore vào năm 2007.
 - ♦ Cuối năm 2007, ông về Việt Nam điều hành toàn bộ mảng CNTT của Unilever Việt Nam đến năm 2010. Sau đó, ông bước sang lĩnh vực tài chính và trở thành Phó Tổng giám đốc Công ty CP chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín quản lý toàn bộ khối CNTT và khối hỗ trợ.
 - ♦ Ông Nguyễn Thế Tài là Cử nhân Quản trị kinh doanh, ĐH Kinh tế, Tp.HCM



2. Ông **Nguyễn Thanh Hùng** Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

- ♦ Ông Nguyễn Thanh Hùng là Thành viên Hội Đồng Quản Trị và là Phó Tổng Giám đốc của BCG.
- ♦ Ông Hùng có bề dày kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, bất động sản tại các tập đoàn và công ty lớn.
- ♦ Ông Hùng nguyên là Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty TNHH Đầu tư phát triển bất động sản Đông Dương.
- ♦ Từ 2007 - 2011, Ông Hùng đảm nhiệm chức vụ là Tổng Giám Đốc Công ty Chứng khoán Sacombank kiêm thành viên HĐQT của Công ty chứng khoán LaneXang (Lào).
- ♦ Ông Hùng tốt nghiệp cử nhân Anh Văn trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn và cử nhân Tài chính doanh nghiệp trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.



3. Ông **Dương Đức Hùng** Phó Tổng giám đốc

- ♦ Ông Dương Đức Hùng là Phó Tổng Giám đốc BCG từ tháng 03.2015.
- ♦ Giai đoạn 2011 đến 2013, Ông Hùng từng công tác tại Công ty Đầu tư Phát triển Thường Thành tại Lào với chức vụ Phó Tổng giám đốc .
- ♦ Hiện nay ông còn giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Phát triển Trường Thành Việt Nam và Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ Trường Thành Đại Nam.
- ♦ Ông Hùng tốt nghiệp Cử nhân Luật.

4. Bà **Hoàng Thị Minh Châu** Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

- ♦ Bà Hoàng Thị Minh Châu là Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng của BCG từ tháng 04.2015
- ♦ Là người có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán tài chính, bà Châu đã từng đảm nhiệm vị trí Kế toán trưởng của các công ty như sau: Công ty cổ phần chứng khoán Sacombank; công ty cổ phần tài chính Hadinco.
- ♦ Hiện nay, bà Châu là Thành viên hội đồng quản trị Công ty cổ phần phát triển Nguyễn Hoàng và Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long,
Bà Châu tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Kế toán- đại học Thương mại Hà Nội, Việt Nam.







4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

BCG định hướng trở thành một trong những công ty đa ngành tốt nhất Việt Nam. Nền tảng cho việc tăng trưởng và mở rộng quy mô hoạt động doanh nghiệp thông qua các hoạt động mua bán và sáp nhập các doanh nghiệp vừa và nhỏ có giá trị, hoạt động hiệu quả và tiềm năng tăng trưởng tốt.



5. CÁC RỦI RO

5.1 RỦI RO VỀ KINH TẾ

Với định hướng phát triển thành một tập đoàn đa ngành, hoạt động kinh doanh của Công ty đã, đang và sẽ chịu ảnh hưởng nhất định trước những biến động thay đổi theo chu kỳ của nền kinh tế. Kinh tế càng phát triển, tốc độ tăng trưởng ổn định, sức mua gia tăng sẽ kéo theo nhu cầu đẩy mạnh dòng tiền đầu tư, từ đó tạo động lực phát triển cho toàn thị trường. Ngược lại, khi nền kinh tế gặp khó khăn, tốc độ tăng trưởng giảm sút cũng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến các kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư, vô hình chung sẽ tác động ngược lại đến sự lưu chuyển của dòng tiền và từ đó kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp. nghiệp, nhất là các doanh nghiệp muốn chuyển đổi loại hình hoạt động của công ty hoặc mở rộng quy mô hoạt động nhằm đáp ứng sự phát triển nhanh và mạnh của công ty. Trên cơ sở phân tích và đánh giá hiện trạng tình hình tài chính doanh nghiệp và cơ cấu tổ chức công ty, BCG sẽ tiến hành lập kế hoạch và phương án tái cấu trúc doanh nghiệp một cách hợp lý, xác định lại chiến lược sản xuất kinh doanh, thiết lập lại cấu trúc công ty phù hợp, sắp xếp lại bộ máy tổ chức, cũng như thiết lập cơ chế kiểm soát rủi ro nhằm đạt được thành công và tăng trưởng bền vững.

❖ **Rủi ro về tăng trưởng và lạm phát**

Việt Nam là nước có nền kinh tế đang trong giai đoạn phát triển. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong giai đoạn 2002-2007 duy trì ở mức 7,9%/năm. Tuy nhiên, từ năm 2008 đến nay, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới nói chung và tình hình lạm phát nói riêng ở Việt Nam đã ở mức báo động.

Trước bối cảnh kinh tế thế giới suy giảm khó lường, Việt Nam đã có chủ trương đúng về tập trung cho mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm tăng trưởng hợp lý. Nhờ các chủ trương đúng đắn này và sự chỉ đạo kiên quyết của lãnh đạo cấp cao, lãnh đạo các ngành, địa phương tình trạng lạm phát được đánh giá đã được kiểm soát, giảm khá tốt từ 23% thời điểm tháng 8/2011 còn 1,84% năm 2014. Mức lạm phát năm 2014 được đánh giá là thấp hơn rất nhiều so với mục tiêu của Quốc hội đặt ra từ đầu năm (7%) và là mức thấp nhất trong 13 năm qua. Đặc biệt, tính từ 1998 trở lại đây, việc CPI giảm ở tháng cuối năm mới chỉ xảy ra ở 2014 và 2008.

Theo NFSC, xét về tăng trưởng kinh tế, năm 2015 kết thúc với với tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) ước tính tăng 6,68%. Mức tăng trưởng này cao hơn mục tiêu tăng 6,2% đề ra đầu năm của Quốc hội và tăng cao hơn mức tăng trung bình của các năm từ 2011-2014 là 6,24%. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,41% thấp hơn mức tăng 3,44 của năm 2014; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,64%; khu vực dịch vụ tăng 6,33%. Bước sang năm 2016, tăng trưởng GDP mục tiêu là 6,7% và lạm phát dưới 5% có một số thuận lợi như hiệp định thương mại được ký kết, đầu tư khu vực tư nhân và nước ngoài khả quan hơn, môi trường kinh doanh tiếp tục được cải thiện nhờ triển khai các luật mới ban hành và sửa đổi. Tuy nhiên, các thách thức đối với tăng trưởng là không nhỏ, như: xu hướng tăng chậm lại của khu vực nông sản - thủy sản và xuất khẩu nông sản; khu vực doanh nghiệp còn nhiều khó khăn; xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước còn hạn chế; cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và tái cơ cấu nền kinh tế còn chậm.

Nhìn chung, mặc dù các điều kiện về kinh tế trong nước cũng như toàn cầu đã và đang được cải thiện nhưng vẫn chưa phục hồi hoàn toàn sau khủng hoảng, tăng trưởng vẫn còn chậm và tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất lợi.

❖ **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm qua, lãi suất trên thị trường biến động không ngừng với nhiều những chính sách được ban hành như thắt chặt chính sách tiền tệ, áp trần lãi suất, hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Những năm gần đây, lãi suất huy động và cho vay đều ở xu hướng giảm mạnh. Ngân hàng nhà nước (NHNN) đã có nhiều lần điều chỉnh giảm lãi suất, ví dụ như hai lần giảm 1% các lãi suất chủ chốt vào ngày 26/03/2013 và 10/05/2013. Lãi suất huy động cũng liên tục giảm do tín dụng tăng yếu, ngân hàng thừa vốn. Đến cuối năm, lãi suất huy động kỳ hạn ngắn dao động từ 5% - 7%/năm, lãi suất kỳ hạn dài từ 7,1% - 10%/năm đang tạm thời giải quyết áp lực về chi phí sử dụng vốn cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, để tạo điều kiện các doanh nghiệp hoạt động ổn định, lãi suất cho vay cũng cần phải được ổn định lâu dài như hiện nay.



5.2 RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT

Là một công ty cổ phần do vậy hoạt động của BCG chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp và khi đó sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

Thời gian qua, hệ thống luật và văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện theo hướng tích cực và thuận lợi cho doanh nghiệp, giúp cho Công ty có hướng đi đúng và lành mạnh trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Có thể kể đến một số thay đổi đáng kể như sự ra đời của Luật Doanh Nghiệp 2014 hay việc cắt giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp từ 25% xuống còn 22% và 20%, ... Những thay đổi này một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lâu dài của Công ty, mặt khác cũng đặt ra các yêu cầu nhằm bảo đảm việc theo sát và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành song song với việc triển khai và mở rộng các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả.

5.3 RỦI RO ĐẶC THÙ

❖ Rủi ro trong hoạt động tư vấn

Công ty là một doanh nghiệp chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực đầu tư và tư vấn đầu tư tài chính. Đảm bảo chất lượng tốt nhất cho các dịch vụ tư vấn đối với khách hàng là trọng tâm trong hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty. Tuy nhiên, các rủi ro có thể phát sinh liên quan đến tính chính xác và hiệu quả của dịch vụ tư vấn, trình độ chuyên môn, sự chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ nhân viên sẽ có những ảnh hưởng đáng kể. Ý thức được rủi ro này, Công ty tập trung đào tạo chuyên môn cho nhân viên, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện, có chính sách đãi ngộ tốt để thu hút và duy trì một đội ngũ nhân sự ổn định.



❖ Rủi ro trong mảng đầu tư tài chính

Về mảng đầu tư tài chính, đây là lĩnh vực kinh doanh có hệ số rủi ro cao. Thị trường chứng khoán tăng, giảm phụ thuộc vào nhiều nhân tố: Sự phát triển của kinh tế vĩ mô, vi mô, của từng ngành, từng doanh nghiệp... kể cả tâm lý của nhà đầu tư. Sự biến động bất thường của thị trường chứng khoán sẽ tạo ra sự không ổn định trong doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty đã thực hiện kế hoạch kinh doanh đa dạng hóa danh mục đầu tư, tập trung đầu tư vào nhóm cổ phiếu có tính thanh khoản cao, ở các ngành nghề trọng điểm và có nhiều cơ hội tăng trưởng trong tương lai. Việc lựa chọn ngành/cổ phiếu, xác định thời điểm đầu tư và phân bổ nguồn vốn đầu tư được tiến hành trên cơ sở lập kế hoạch kinh doanh dài hạn dựa vào những phân tích đánh giá kỹ lưỡng biến động kinh tế và thị trường tiền tệ cũng như xem xét cân nhắc với các rủi ro có thể gặp phải. Điều này đã giúp Công ty giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư.

❖ **Rủi ro trong hoạt động thương mại**

Từ năm 2014, hoạt động thương mại chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Hoạt động thương mại của Công ty phải chịu rủi ro về thất thoát tài sản, giảm chất lượng hàng tồn kho, rủi ro về sự thay đổi đột ngột của xu hướng, thị hiếu tiêu dùng. Bên cạnh đó, biến động giá nguyên liệu sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh. Để hạn chế rủi ro, phần lớn nguồn đầu vào được Công ty chọn đối tác có uy tín, Công ty cũng đã quản lý hiệu quả giá vốn hàng bán dựa vào kinh nghiệm dự báo giá nguyên liệu, tạo mối quan hệ hợp tác làm ăn chặt chẽ với các nhà cung cấp nên có khả năng chủ động nguồn thu mua nguyên liệu với giá hợp lý và giảm thiểu ảnh hưởng đến lợi nhuận bởi biến động chi phí nguyên liệu đầu vào.



5.4 RỦI RO KHÁC

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, biến động lãi suất, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

PHẦN 2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu





1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh của BCG có sự tăng trưởng mạnh trong năm 2015 đặc biệt là doanh thu. Các chỉ tiêu tài chính đều có sự tăng trưởng cao.

Trong năm 2015, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 407 tỷ đồng tạo ra áp lực rất lớn cho hoạt động kinh doanh. Song song với quá trình tăng vốn chủ sở hữu, tổng tài sản của Công ty cũng gia tăng cụ thể trong năm 2015, tổng tài sản Công ty tăng 176% so với tổng tài sản ở thời điểm cuối năm 2014.

Sau quá trình tăng mạnh vốn chủ sở hữu công ty đã dần hấp thụ nguồn vốn đưa vào sản xuất kinh doanh, nhờ vậy doanh thu thuần của công ty tăng mạnh gấp 5 lần so với 2014, đồng thời lợi nhuận cũng tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh khả quan

này có được là nhờ sự nhạy bén và đầu tư có hiệu quả của Công ty. Trong thời kỳ kinh tế có những dấu hiệu phục hồi tích cực, công ty đã tiến hành tăng vốn sau đó đầu tư mở rộng quy mô hoạt động thông qua mua bán các doanh nghiệp (M&A) có giá trị thuộc các lĩnh vực phát triển đầy tiềm năng. Có thể thấy BCG đang bước những bước đi vững chắc cho mục tiêu trở thành một trong những công ty đa ngành tốt nhất Việt Nam.



Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp hợp nhất năm

2015

Đơn vị: 1.000.000 VNĐ

TT	Lĩnh vực	Doanh thu	Lợi nhuận gộp
1	Hàng hóa	821.957	61.372
2	Dịch vụ	12.455	2.588
3	Xây dựng	62.169	948
4	Khai thác khoáng sản	78.461	32.649
5	Tổng	975.042	97.557

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2015 của CTCP Bamboo Capital

2. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

a) Danh sách Ban điều hành và số cổ phần nắm giữ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ /VĐL/VĐL
1	Nguyễn Thế Tài	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	2.290.000 cổ phần (5,62%)
2	Nguyễn Thanh Hùng	Thành viên HĐQT, PTGD	30.000 cổ phần (0,07%)
3	Dương Đức Hùng	Phó Tổng giám đốc	15.000 cổ phần (0,037%)
4	Hoàng Thị Minh Châu	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	20.000 cổ phần (0,04%)

b) Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG: **33 người**

❖ Phân loại theo trình độ:

• Đại học trở lên: **32**

• Lao động phổ thông: **1**

❖ Phân loại theo phân công lao động:

• Lãnh đạo, cán bộ quản lý: **17**

• Nhân viên, chuyên viên: **15**

• Tài xế: **1**



Các chính sách đối với người lao động:

- Thực hiện đầy đủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.
- Thực hiện mua bảo hiểm Aon – loại bảo hiểm sức khỏe cao cấp cho toàn bộ người lao động.
- Người lao động được nghỉ ngơi, nghỉ lễ theo chính sách và chế độ hiện hành của Nhà nước, nghỉ việc riêng theo quy định của Luật lao động. Đồng thời được nghỉ phép 16 ngày trong năm.
- Thực hiện chế độ đánh giá theo KPI vào cuối năm, làm cơ sở xét thi đua khen thưởng cuối năm cho người lao động.
- Có cơ chế phân phối thu nhập công bằng, hợp lý phù hợp với trình độ và năng lực. Hằng năm, người lao động được xem xét đánh giá để điều chỉnh thu nhập.
- Công ty tổ chức các khóa đào tạo nội bộ và ngắn hạn để nâng cao năng lực chuyên môn của người lao động.





3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

a) Đầu tư vào các dự án Bất động sản

Dự án Resort Casa Marina Quy Nhơn

Dự án có diện tích gần 2ha tại Ghềnh Ráng. Là dự án resort theo mô hình boutique do BCG và CTCP Nguyễn Hoàng làm chủ đầu tư chính thức khởi công trong tháng 09 năm 2015. Resort tọa lạc tại vị trí có bãi biển dài nằm cạnh làng chài du lịch của Quy Nhơn và có các tiện ích phục vụ tiêu chuẩn resort 4 sao.

Vừa qua Quy Nhơn cũng đã được tạp chí du lịch Anh Rough Guides bình chọn là 1 trong 3 điểm du lịch hàng đầu Đông Nam Á. Resort Casa Marina là lợi thế đón đầu tiềm năng phát triển du lịch của Quy Nhơn trong năm 2016 và sẽ là một bất động sản du lịch đóng góp doanh số cho BCG trong tương lai.

Resort dự kiến hoàn thành trong năm 2016.



Dự án xây dựng tòa nhà Bamboo Prince Court

Dự án xây dựng tòa nhà Bamboo Prince Court tọa lạc tại vị trí đẹp Quận 1.

Dự án xây dựng tòa nhà cao tầng phức hợp bao gồm các phân khu chức năng chính là Trung tâm thương mại, Căn hộ dịch vụ, và Cao ốc văn phòng được xây dựng trên khu đất diện tích 2.300m².

Trong năm 2015 đã thành lập pháp nhân Tracodi Land triển khai cho dự án trong đó Tracodi và BCG đã liên kết với các đối tác có kinh nghiệm trong việc phát triển bất động sản và có nguồn lực tài chính dài hạn cùng tham gia nhằm nâng cao tính hiệu quả của dự án và giảm thiểu rủi ro tài chính cho Tracodi và BCG.

Hiện tại dự án đang trong quá trình xin phê duyệt quy hoạch 1/500. Trong tháng 1/2016 Công ty cũng đã ký kết hợp tác với tập đoàn Capri (Hàn Quốc) sẽ tham gia đầu tư xây dựng cho dự án khi hoàn tất thủ tục pháp lý.

Trung tâm thương mại huyện Củ Chi

Là dự án xây dựng khu phố thương mại, dịch vụ, khách sạn, siêu thị tại thị trấn Củ Chi và xã Tân An Hội trên khu đất 78.291,4m² với tổng mức đầu tư dự kiến 379 tỷ đồng.

Hiện nay dự án đã có phê duyệt 1/500 và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục giải tỏa đền bù để có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Dự án được tiến hành theo 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 là bồi thường giải phóng mặt bằng diện tích 22.600m² trước để xây dựng hạ tầng hoàn chỉnh đưa vào vận hành, khai thác với tổng mức đầu tư 125 tỷ đồng.

Dự án được đánh giá là khả thi với suất sinh lợi nội tại là 12,91%, thời gian hoàn vốn vào khoảng 16,5 năm. Giai đoạn 2 tiếp tục xây dựng các khu còn lại để đưa vào khai thác vận hành.

Dự án nhà ở CBCS - Nguyễn Xiển

Là dự án khu nhà ở cán bộ chiến sĩ Cục Bảo vệ chính trị A67 tại thôn Thượng, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội với tổng mức đầu tư lên đến 712 tỷ đồng được thực hiện theo chủ trương của Bộ Công An.

Dự án được xây dựng gồm 36 tầng triển khai trên diện tích 3.500m², dự kiến sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng vào Quý III/2017. Toàn bộ sản phẩm nội thất của dự án sẽ do hai công ty con của BCG là Nguyễn Hoàng và Thành Phúc cung cấp. Đây cũng là lợi thế trong việc hỗ trợ và bán chéo sản phẩm của những công ty con của BCG.



b) Dự án triển khai dòng sản phẩm café capsual

BCG triển khai dòng sản phẩm mới tại thị trường VN café dạng viên nén thương hiệu Nesso, sử dụng kèm thiết bị máy pha café chuyên dụng. Sản phẩm sẽ được triển khai phân phối qua kênh văn phòng, hệ thống nhà hàng khách sạn và những điểm boutique café do BCG đầu tư trên toàn quốc.

c) Đầu tư vào công ty thành viên và liên kết

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ VND)	Hình thức sở hữu/hợp tác của BCG	Tỷ lệ sở hữu của BCG (%)
Đầu tư vào Công ty thành viên					
1	Cty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	89 Cách Mạng Tháng 8, P. Bến Thành, Q1, TP HCM	72,5	Công ty con trực tiếp	68,01%
2	Công ty CP Phát Triển Nguyễn Hoàng	Khu TTCN Nhơn Hòa, P.Nhơn Hòa, TX An Nhơn, tỉnh Bình Định	52	Công ty con trực tiếp	90%
3	Công ty CP Thành Phúc	Lô D4, D5, D9, D10 – KCN Đông Bắc Sông Cầu, TX Sông Cầu, Phú Yên	25	Công ty con trực tiếp	90%
4	Công ty CP ACG Việt Nam	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Q1, TP HCM	500 triệu	Công ty con trực tiếp	50,9%
5	Công ty CP Viet Golden Farm	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Q1, TP HCM	100	Công ty con trực tiếp	51%
6	Công ty CP TMDV Phú Thuận	42/2 Nguyễn Đình Khôi, P4, Quận Tân Bình, TP HCM	10	Công ty con trực tiếp	50,2%
7	Công ty TNHH Liên doanh khai thác và chế biến VLXD AN Giang	Núi Dài Lớn, Xã Châu Lãng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang	17,9	Công ty con kiểm soát	34,7%
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết					
1	Cty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	89 Cách Mạng Tháng 8, P. Bến Thành, Q1, TP HCM	72,5	Công ty con trực tiếp	68,01%
2	Công ty CP Phát Triển Nguyễn Hoàng	Khu TTCN Nhơn Hòa, P.Nhơn Hòa, TX An Nhơn, tỉnh Bình Định	52	Công ty con trực tiếp	90%

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ VND)	Hình thức sở hữu/hợp tác của BCG	Tỷ lệ sở hữu của BCG (%)
Đầu tư vào đơn vị khác					
1	Công ty CP Thương Mại Giải Pháp Tre	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Q1, TP HCM	2	Đầu tư tài chính	6,9%
2	Công ty CP DV Hợp Điểm	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Q1, TP HCM	6	Đầu tư tài chính	14,63%
3	Công ty Cp Khai Thác Khoáng Sản Bắc Hà	Thôn Nà Pán 1, xã Vũ Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn	70,461	Đầu tư tài chính	5,8%
4	Công ty TNHH DVBV Trường Thành Đại Nam	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Q1, TP HCM	4	Đầu tư tài chính	7%
5	Công ty CP Renatus	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Q1, TP HCM	6	Đầu tư tài chính	0.3%
6	Công ty CP DĐT và KD Tài sản Việt Nam	Số 5 Lô 14A, Khu Đô thị Trung Yên, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	500	Đầu tư tài chính	0.013%
7	Công ty Cổ phần Phát triển nguồn lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam	Tầng 10, Maple Tower, Lô C2L cụm SXTT CN và CN nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam	30,2	Đầu tư tài chính	0.33%
8	Công ty Tracodi Sông Đà	B34-TT5 Khu đô thị Văn Quán, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	6	Đầu tư tài chính của công ty con	10,2%



4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a) Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% Thực hiện/ Cùng kỳ
1	Tổng giá trị tài sản	318.896.796.312	880.646.251.574	276,13%
2	Doanh thu thuần	17.394.727.270	975.042.348.750	5603,44%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	19.084.364.679	69.381.333.490	363,35%
4	Lợi nhuận khác		1.513.871.997	
5	Lợi nhuận trước thuế	18.978.456.550	70.895.205.487	375,13%
6	Lợi nhuận sau thuế	18.952.442.147	52.415.562.164	277,25%
7	Tỷ lệ trả cổ tức		8%	

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 của BCG

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản nợ ngắn hạn	1,49	1,31	
	+ Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,26	1,03	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,93	0,42	
	+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	13,75	0,73	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	0	12,9	
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,05	1,1	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,09	0,54	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,88	0,10	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,06	0,06	
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	1,09	0,07	



5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Cổ phần (tính tại thời điểm 31/12/2015)

Chỉ tiêu	Nội dung
Tên cổ phiếu	Cổ phiếu CTCP Bamboo Capital
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu	BCG
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.700.000 cổ phần
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	23.076.000 cổ phần
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	17.623.000 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu %
I	Cổ đông trong nước	736	36,951,880	369,518,800,000	90.79%
1	Cổ đông tổ chức	4	486,610	4,866,100,000	1.20%
2	Cổ đông cá nhân	732	36,465,270	364,652,700,000	89.60%
II	Cổ đông nước ngoài	17	3,748,120	37,481,200,000	9.21%
1	Cổ đông tổ chức	2	962,630	9,626,300,000	2.37%
2	Cổ đông cá nhân	15	2,785,490	27,854,900,000	6.84%
Tổng cộng	753	40,700,000	407,000,000,000	100%	

(Nguồn: theo danh sách chốt cổ đông ngày 15/03/2016 của TTLKCK VN)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e) Các chứng khoán khác: không có

PHẦN 3 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty



➤ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

BCG chính thức niêm yết trên HSX ngày 16/7/2015, hoạt động kinh doanh của BCG trong 6 tháng đầu năm có nhiều khó khăn chưa đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra chính vì vậy hoạt động trọng tâm Công ty trong nửa cuối năm 2015 tập trung chính vào công tác tái cấu trúc các công ty con.

Trong đó đặc biệt là Tracodi sau thời gian chuyển giao với những tồn đọng trong quá khứ công ty đã ghi nhận lỗ lũy kế khá lớn.

Bên cạnh công tác tái cấu trúc Công ty cũng đã nhanh chóng triển khai các dự án mới. Tất cả những nỗ lực trong 6 tháng cuối năm đã góp phần tạo kết quả đột biến cho BCG trong hoạt động kinh doanh.



Một số kết quả ấn tượng BCG đã thực hiện trong năm 2015:

❖ Hoạt động tư vấn doanh nghiệp và dịch vụ ngân hàng đầu tư:

Tiếp cận được nhiều khách hàng do BCG đã khẳng định được thương hiệu qua việc tư vấn thành công những thương vụ M&A của chính công ty cũng như là của khách hàng. Những hợp đồng do khối Tư vấn và Ngân hàng đầu tư đang thực hiện cụ thể như: Tư vấn phát hành trái phiếu quốc tế huy động vốn cho HAGL Nông nghiệp; Tư vấn tái cấu trúc và M&A Công ty Thành Vũ; Tư vấn M&A cho Savico Comfort Taxi; Tư vấn tái cấu trúc cho Dabaco Tiền Giang; Ngoài ra khối cũng thực hiện tìm kiếm và giới thiệu các thương vụ M&A theo yêu cầu của các nhà đầu tư nước ngoài (lĩnh vực khách sạn, CNTT, thương mại ô tô, dự án bất động sản).

❖ Hoạt động đầu tư M&A:

Ngoài các thương vụ M&A hoàn tất trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty đã tích cực tìm kiếm và xúc tiếp các thương vụ điển hình khác như: M&A Công ty Thành Vũ Tây Ninh, Công ty CP Ô tô 1-5, Công ty CP Băng Dương và tham gia đấu giá sở hữu 34% Công ty Vinacafe Đà Lạt.

❖ Hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR):

Thực hiện tốt các công tác công bố thông tin theo quy định và đúng hạn; thường xuyên có tin bài viết đăng tải trên website (hàng tuần đều có từ 1-2 tin mới); tổ chức các sự kiện ký kết của công ty; tổ chức tốt cập nhật báo cáo tài chính thông tin cho nhà đầu tư trong và ngoài nước thông qua website portal; lập báo cáo thường niên công ty; thực hiện các công tác chốt danh sách cổ đông và lấy ý kiến cổ đông; tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên công ty; tổ chức các chương trình tham quan giới thiệu BCG Group cho nhà đầu tư và các đối tác quan tâm.



❖ Công tác tổ chức/ Pháp chế/ Kế toán:

Hoàn thiện các quy trình, quy chế ban hành; Pháp chế hỗ trợ các công ty con trong công tác soạn thảo hợp đồng và tư vấn xây dựng các quy chế/ quy trình cho các công ty; Thực hiện các công tác phân công nhân sự tham gia hỗ trợ các công ty con; triển khai ứng dụng phần mềm kế toán đồng bộ cho BCG và các công ty thành viên; hỗ trợ các công ty thành viên công tác chuẩn hóa báo cáo kế toán giúp hợp nhất số liệu nhanh chóng.

❖ Hoạt động thương mại:

Tận dụng lợi thế tương hỗ các công ty thành viên, trong năm mảng thương mại của Công ty mẹ cũng được đẩy mạnh qua thương mại các sản phẩm: café, tinh bột biến tính, phân bón, nông sản

❖ Hoạt động đầu tư và hình thành doanh nghiệp con:

Đầu tư và hình thành doanh nghiệp con

HOẠT ĐỘNG ĐIỂN HÌNH TẠI CÁC CÔNG TY CON:

CÔNG TY TRACODI: định biên điều chuyển nhân sự tinh gọn bộ máy, thành lập chi nhánh Hà Nội để thực hiện các hoạt động xuất khẩu lao động (XKLD), thành lập Trung tâm đào tạo phục vụ cho mảng XKLD, tập trung công tác xử lý thu hồi công nợ, từng bước thay đổi cách làm đối với mảng XKLD, triển khai thêm hoạt động thương mại và phục hồi lại mảng xây dựng hạ tầng thông qua việc lập các liên doanh Tracodi - PPI; Tradico - Băng Dương triển khai các dự án BOT. Hoạt động Tracodi từ công ty đang có kết quả kinh doanh lỗ 6 tháng đầu năm 2015 (hơn 5 tỷ) đã có lãi kết thúc năm 2015 với lợi nhuận sau thuế hơn 26 tỷ đồng vượt hơn 250% so với kế hoạch.

CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH ANTRACO:

hoàn tất thủ tục cấp phép nâng sản lượng khai thác lên 1.000.000 m³/năm; ổn định nhân sự và gia tăng sản xuất cũng như bán hàng với kết quả kinh doanh năm 2015, Antraco hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch năm với LNST đạt 37,5 tỷ đồng (đạt 162% chỉ tiêu KHKD 2015).



Tái cấu trúc toàn diện sắp xếp các hoạt động sản xuất tại hai **CÔNG TY NGUYỄN HOÀNG & THÀNH PHÚC** bước đầu đã gia tăng đơn hàng xuất khẩu, cải thiện giá thành chi phí sản xuất, chuẩn hóa lại các quy trình sản xuất vận hành và chú trọng công tác chăm lo đời sống CBNV đã từng bước thay đổi hoạt động sản xuất của nhà máy. Kết quả kinh doanh của cả hai công ty trong năm 2015 đều có lợi nhuận tăng trưởng cao so với các năm trước.

Hoạt động phân phối tại **CÔNG TY PHÚ THUẬN:**

Vinamilk đã tạo áp lực doanh số ngày càng gia tăng đối với nhà phân phối, đồng thời cũng đã giao thêm cho nhà phân phối quản lý thêm các kênh bán hàng mới như minimart, điểm trưng bày. Hoạt động phân phối công ty vì thế gặp khó khăn do vừa phải chạy doanh số vừa phải tiếp quản công tác quản lý thêm hệ thống mới kết quả doanh số trong năm 2015 vẫn tăng trưởng tuy nhiên lợi nhuận có sụt giảm.



CÔNG TY ACG VIỆT NAM:

liên doanh do BCG thành lập mới trong năm 2015 cùng đối tác Tập đoàn Salesforce Singapore, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực công nghệ thông tin. ACG Việt Nam sẽ triển khai độc quyền kinh doanh ứng dụng hệ thống quản trị chăm sóc khách hàng (salesforces) tại thị trường Việt Nam.



CÔNG TY VIỆT GOLDEN FARM:

công ty được BCG thành lập mới trong năm 2015 nhằm triển khai dự án chăn nuôi bò; sản xuất và phân phối dòng sản phẩm café hoàn toàn mới tại thị trường Việt Nam, café capsual (café viên nén) có thương hiệu Nesso. VGF đã triển khai hợp tác xây dựng trang trại nuôi bò sinh sản tại Lào quy mô 200 con năm đầu và tăng lên 1.500 con trong năm tiếp theo. Đồng thời VGF cũng đã đầu tư vào Công ty Cánh Đồng Vàng triển khai dự án trang trại khép kín nuôi vỗ béo bò thịt và bò sinh sản tại Lạng Sơn với quy mô dự kiến nuôi 4.000 bò thịt và 1.500 bò sinh sản.

HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT:

CÔNG TY BẢO VỆ TRƯỜNG THÀNH ĐẠI NAM (TTĐN SECURITY):

Công ty bảo vệ được thành lập trong năm 2014 cung cấp dịch vụ bảo vệ chuyên nghiệp. TTĐN Security cũng đã hợp tác toàn diện với Cục Phòng chống khủng bố (A67) trong công tác kết hợp bảo vệ và an ninh quốc phòng. Trong năm 2015 TTĐN đã triển khai phát triển bảo vệ được nhiều mục tiêu tại các tòa nhà, doanh nghiệp, trung tâm thương mại, ngân hàng ... Quân số bảo vệ của công ty hiện tại có trên 200 quân, dự kiến trong năm 2016 tăng lên 500 quân.

CÔNG TY CPDV HỢP ĐIỂM (CENTRAL OFFICE):

Công ty hoạt động chủ yếu cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng ảo và văn phòng chia sẻ tại tòa nhà Vincom. Central Office hiện đang quản lý cho thuê lại hơn 800 m² diện tích văn phòng tại tòa nhà Vincom (Q1) và có hơn 250 khách hàng thuê văn phòng ảo.



CÔNG TY CP LÂM NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH QUẢNG NGÃI:

Hiện đang triển khai dự án nhà máy sơ chế gỗ nguyên liệu tại Quảng Ngãi cung ứng nguyên liệu cho hoạt động các công ty Nguyễn Hoàng và Thành Phúc.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a) Tình hình tài sản và nợ phải trả

Trong năm 2015, vốn điều lệ của BCG tăng lên 407 tỷ. Song song với quá trình tăng vốn chủ sở hữu, tổng tài sản của Công ty cũng gia tăng từ 319 tỷ đồng lên 880,6 tỷ đồng, tương ứng tăng 176% so với tổng tài sản ở thời điểm cuối năm 2014. Trong đó, tài sản dài hạn tăng 63%, chủ yếu tăng tài sản cố định hữu hình. Riêng tài sản ngắn hạn tăng gấp 8 lần, chủ yếu tăng ở khoản mục “các khoản phải thu ngắn hạn”, nguyên nhân là trong năm 2015, các công ty con trong BCG ký được các hợp đồng lớn đến từ Công ty Trường Thành Việt Nam; Công ty TNHH Thăng Phương; Công ty TNHH ĐT XD TM Bằng Dương ... làm tăng mạnh khoản mục “phải thu ngắn hạn của khách hàng”. Về cơ cấu nguồn vốn của BCG với vốn chủ sở hữu chiếm khoảng 58% - đó là cơ sở vững chắc để Công ty thực hiện các chiến lược kinh doanh phát triển dài hạn. Các dòng tiền luôn ổn định và đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1	Cơ cấu tài sản		
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	0,15	0,50
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	0,85	0,50
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	0,93	0,42
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	0,07	0,58
3	Khả năng thanh toán		
	- Khả năng thanh toán hiện hành		
	- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	1,49	1,31
	- Khả năng thanh toán nhanh	0,006	0,09
4	Tỷ suất sinh lời		
	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu		
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần	1,09	0,07
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	1,09	0,05

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
4	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản		
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản	0,06	0,08
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,06	0,06
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	0,88	0,10

➤ NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

❖ Tăng cường công tác quản trị công ty mẹ và công ty con thông qua vận hành hệ thống quy trình, quy chế, triển khai các ứng dụng CNTT cho toàn hệ thống đảm bảo các báo cáo số liệu nhanh chóng và kịp thời;

❖ Đối với hệ thống các công ty liên kết: BCG vẫn tập trung theo sát các hoạt động các công ty nhằm hỗ trợ kịp thời các công ty về tài chính, chiến lược kinh doanh và khai thác tận dụng lợi thế bán chéo sản phẩm. Xây dựng và ban hành các quy trình quản trị báo cáo điều hành giữa công ty con và công ty mẹ.

❖ Thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe cho cán bộ chủ chốt: mua bảo hiểm y tế cho cán bộ nhân viên chủ chốt đảm bảo sức khỏe công tác.

❖ Tạo sự gắn kết cho người lao động thông qua chính sách phát hành cổ phiếu ưu đãi cho người lao động (ESOP).



ĐỊNH HƯỚNG
CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG
BCG
TRONG NĂM **2016**
&
TẦM NHÌN
NĂM **2020**

Thực hiện định hướng chiến lược chiến lược tổng thể do HĐQT đề ra, hoạt động giá trị cốt lõi của BCG cho thời kỳ 2015-2020 Ban Điều Hành sẽ tập trung vào các mảng chính: đầu tư M&A đa ngành; tư vấn doanh nghiệp và dịch vụ ngân hàng đầu tư; thương mại phân phối liên kết chuỗi giá trị BCG group và phát triển dự án có giá trị tạo ra dòng tiền ổn định lâu dài cho BCG.

❖ Hoạt động tư vấn và dịch vụ ngân hàng đầu tư:

Tập trung vào các hợp đồng đang thực hiện đặc biệt là các công ty mà nằm trong kế hoạch M&A của BCG; tập trung công tác hỗ trợ cho IR thiết lập kênh thông tin xuyên suốt với các nhà đầu tư; thiết kế các sản phẩm cấu trúc tài chính đa dạng phục vụ cho các hoạt động huy động vốn của BCG; hỗ trợ công tác tái cấu trúc cho các công ty thành viên sau khi đầu tư M&A;



❖ Hoạt động đầu tư M&A:

Hoạt động BCG trong năm 2016 tập trung công tác tái cấu trúc công ty con sau M&A và hoàn thiện niêm yết cho một số công ty như: Tracodi, Thành Vũ Tây Ninh, Nguyễn Hoàng. Đồng thời nhanh chóng hoàn tất kế hoạch phát hành tăng vốn điều lệ nhằm thực hiện hoàn tất các thương vụ M&A đã xúc tiến như, đầu tư vào: Công ty Ô tô 1-5; Công ty CP Thành Vũ Tây Ninh; nâng sở hữu chi phối tại Vinacafe Đà Lạt, Công ty CP Băng Dương.





❖ Hoạt động phát triển dự án

Trong năm 2016, chiến lược công ty mẹ ngoài việc phát triển các công ty thành viên sẽ phải tập trung vào hoạt động cốt lõi tạo ra dòng tiền cho riêng công ty mẹ nhằm tạo ra sự phát triển cân bằng và ổn định cho BCG.

Với chiến lược như vậy, BCG trong năm 2016 sẽ trực tiếp tham gia phát triển các dự án mà sẽ tạo ra dòng thu ổn định trong tương lai cho BCG.

Các dự án BCG sẽ xúc tiến: dự án nhà máy xử lý rác thải tại Lâm Đồng; dự án nhà máy nhiệt điện tại Lạng Sơn; dự án đầu tư BOT nâng cấp mở rộng đường ĐT 830 (Long An); dự án phát triển sản xuất và phân phối sản phẩm chăn ga gối nệm thương hiệu Aussino (Mỹ); dự án phát triển sản phẩm café viên nén thương hiệu Nesso (capsual); dự án kho lạnh 10ha trữ hàng nông sản tại cửa khẩu Lạng Sơn; dự án căn hộ cao cấp tại Thảo Điền – Q2; dự án tòa nhà văn phòng Bamboo Prince Court tại Q1.



❖ Hoạt động thương mại:

Là mảng kinh doanh cốt lõi BCG sẽ đẩy mạnh trong năm 2016 nhằm khai thác lợi thế tương hỗ với các công ty con đồng thời cũng là tạo ra doanh thu ổn định cho chính công ty mẹ.

Hoạt động thương mại sẽ tập trung vào các sản phẩm bán chéo cùng hệ thống các công ty thành viên như: café, thương mại ca cao, đại lý phân phối dòng xe buýt, tinh bột sắn, nông sản, khoáng sản ...

Hoạt động thương mại của BCG đóng vai trò không chỉ là đầu ra cho các sản phẩm của các công ty con mà còn tập trung trong điều phối nguồn vốn lưu động tài trợ cho các công ty con trong sản xuất. Việc điều phối quản lý vốn lưu động tập trung sẽ giúp khai thác tối đa hiệu quả sử dụng vốn trong nhóm các công ty của BCG, gia tăng được hiệu quả kinh doanh cho chính các công ty thành viên.

➤ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Năm 2015, thực hiện chủ trương xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, nhằm chung tay với tại Bệnh viện đa khoa huyện Tri Tôn nâng cao điều kiện về cơ sở vật chất công ty TNHH Liên doanh Antraco đã tài trợ cho Bệnh viện đa khoa huyện Tri Tôn 01 xe ô tô cứu thương. Đây là dòng xe thuộc hãng Hyundai được trang bị các trang thiết bị y tế theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, trị giá 700 triệu đồng nhằm giúp góp phần cải thiện cơ sở vật chất của bệnh viện, cải thiện công tác cứu chữa bệnh nhân.



Ông Quách Kim Long - Giám đốc Công ty **Antraco** (trái) trao chìa khóa và giấy sở hữu xe cho Bệnh viện **Tri Tôn**



Đại diện **Antraco** cùng quý vị đại biểu, quan khách tại Lễ tiếp nhận xe ô tô cứu thương bệnh viện **Tri Tôn, An Giang**.

Cũng trong năm qua,

Công ty **Nguyễn Hoàng**

đã trở thành công ty thành viên trong Bộ tiêu chuẩn Sáng kiến tuân thủ xã hội của doanh nghiệp (BSCI).

Bộ luật ứng xử BSCI được xây dựng trên các công ước quốc tế quan trọng nhất bảo vệ quyền lợi của người lao động, đặc biệt là từ Công ước của Tổ chức lao động quốc tế (ILO).

Việc đáp ứng được các yêu cầu của một hệ thống có uy tín và chất lượng như sự cam kết của Nguyễn Hoàng trong việc cải thiện môi trường làm việc, giảm thiểu rủi ro liên quan đến an toàn lao động, công nhân được đối xử công bằng, nhằm thỏa mãn nhu cầu của người lao động, khách hàng và yêu cầu luật pháp.





PHẦN 4 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Doanh thu hợp nhất toàn Công ty
đạt **975,1** tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế TNDN
đạt **52,4** tỷ đồng

Tình hình thực hiện
các chỉ tiêu cơ bản
trong năm 2015

Lợi nhuận trước thuế đạt
70,9 tỷ đồng

Năm **2015** đánh dấu là năm đầu tiên **BCG** chính thức hoạt động dưới mô hình công ty đầu tư đa ngành với hệ thống công ty thành viên và liên kết lên đến **15** công ty. Trong đó một số công ty khi **BCG** tiếp quản đang hoạt động đi xuống với kết quả kinh doanh thua lỗ như **Tracodi** và một số công ty có hoạt động trì trệ dẫn đến năng lực sản xuất kém như **Nguyễn Hoàng** và **Thành Phúc**. Hội đồng quản trị **BCG** với kinh nghiệm vững vàng từ vai trò đã từng làm tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp đã tập trung ngay vào công tác tái cấu trúc với những điểm cốt lõi như:

❖ Công tác quản trị chiến lược, định hướng hoạt động cho từng công ty thành viên được xây dựng trên nền tảng định hướng chiến lược từ công ty mẹ BCG là kim chỉ nam cho các công ty con xuyên suốt quá trình tái cấu trúc;

❖ Công tác quản trị sản xuất: hoạt động sản xuất được cải thiện theo hướng chuyên nghiệp hơn, cải tiến năng suất, giảm chi phí giá thành sản phẩm từ đó gia tăng doanh số và hiệu quả kinh doanh được cải thiện;

❖ Công tác tổ chức nhân sự và bố trí nguồn nhân lực phù hợp đã tạo ra sự ổn định trong bộ máy vận hành, điều hành tại các công ty được vận hành hiệu quả;

❖ Cải thiện môi trường làm việc, chú trọng chính sách chăm lo người lao động và công tác an sinh xã hội đã tạo ra sinh khí mới cho tập thể người lao động từ đó góp phần ổn định sản xuất kinh doanh.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

◆ Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng giám đốc đã có những nỗ lực và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Hoạt động kinh doanh năm 2015 đã kết thúc với doanh thu và lợi nhuận khả quan trên mức kỳ vọng mà HĐQT đã giao chỉ tiêu trong năm.

Kết quả này khẳng định được những chiến lược đi hoàn toàn đúng đắn của lãnh đạo BCG đã phần nào tạo ra được những thành quả chung cho hoạt động trong năm 2015.

◆ Tuy nhiên, Ban Điều Hành BCG cũng phải nhận định vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại như đã nêu bên dưới sẽ cần phải tiếp tục được phát huy, hoàn thiện và vận dụng triệt để thì mới có thể xây dựng được BCG trở thành một doanh nghiệp đầu tư đa ngành tốt nhất đáp ứng theo kỳ vọng của nhà đầu tư đã quan tâm.

◆ Bước sang năm 2016 sẽ là một năm nữa để BCG tiếp tục phát huy những lợi thế đã xây dựng được trong năm qua và thực thi sứ mệnh phát triển ổn định trong thời kỳ 2015-2020.



Những khó khăn

còn tồn tại trong năm **2015**
của **BCG**

◆ **Năm đầu tiên** công ty thực hiện chiến lược đầu tư M&A và sở hữu một hệ thống công ty con đa ngành nghề vì vậy cũng gặp nhiều khó khăn trong công tác xây dựng chiến lược và tái cấu trúc các công ty cho phù hợp với định hướng phát triển chung của BCG;

◆ **Hoạt động cốt lõi** trước đây của BCG là hoạt động tư vấn cho nên doanh số không cao vì vậy báo cáo hợp nhất công ty mẹ BCG trong năm 2015 vẫn còn phụ thuộc nhiều vào doanh thu hợp nhất từ các công ty con;



◆ **Áp lực từ việc tăng vốn** và giải ngân đầu tư vào các công ty con chỉ trong một thời gian ngắn chưa thể tạo ra ngay được giá trị mang về từ những khoản đầu tư trong khi áp lực nhà đầu tư BCG hàng năm vẫn phải chi trả cổ tức cho cổ đông.

◆ **Đội ngũ nhân sự** cao cấp mỏng kiêm nhiệm nhiều vị trí ảnh hưởng đến công tác điều động nhân sự tham gia điều hành các công ty thành viên BCG nắm quyền kiểm soát.

◆ **Công tác IR** còn thiếu kinh nghiệm do BCG mới niêm yết hơn 6 tháng, hoạt động IR chủ yếu chỉ mới ở mức độ công bố thông tin theo quy định UBCK. Hoạt động IR trong năm 2015 chưa thực sự tạo được kênh truyền thông kết nối với nhà đầu tư có thể nhanh chóng nắm bắt hoạt động của doanh nghiệp giúp nhà đầu tư an tâm nắm giữ cổ phiếu.



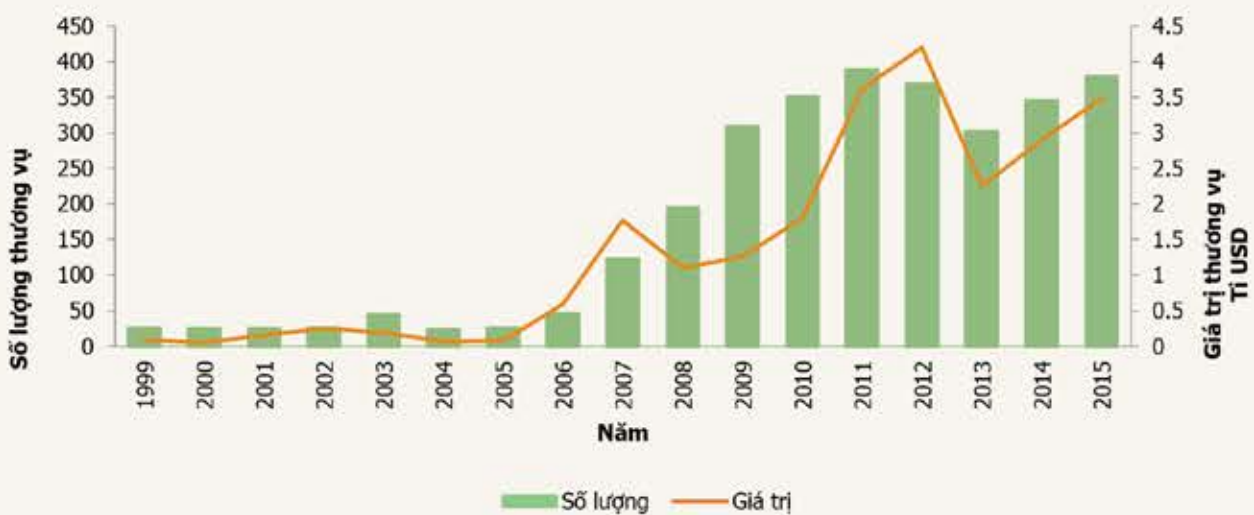
CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động giá trị cốt lõi của BCG cho thời kỳ 2015-2020 tập trung vào các mảng chính: đầu tư M&A đa ngành; tư vấn doanh nghiệp và dịch vụ ngân hàng đầu tư; thương mại phân phối liên kết chuỗi giá trị BCG group và phát triển dự án có giá trị tạo ra dòng tiền ổn định lâu dài cho BCG.

a. Nhận định triển vọng hoạt động mua bán sáp nhập doanh nghiệp tại Việt Nam

Là một doanh nghiệp đa ngành, hiện BCG đang tập trung hoạt động đầu tư M&A các ngành nghề tiềm năng, đây là hoạt động bùng nổ ở Việt Nam trong thời gian gần đây đồng thời thị trường M&A Việt Nam tiếp tục có những dấu hiệu tăng trưởng tích cực trong thời gian tới.

Tình hình M&A Việt Nam giai đoạn 1999-2015




Nguồn: Viện Hợp nhất, Mua lại và Liên kết (IMAA)


Nhìn vào bảng số liệu báo cáo của Viện nghiên cứu mua bán sáp nhập và liên kết (IMAA), hoạt động M&A tại Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ.

Ước tính thị trường M&A Việt Nam đạt giá trị 3,8 tỷ USD với gần 400 thương vụ trong năm 2015. Đây là mức tăng trưởng đáng kể so với 2,8 tỷ USD của năm 2014.


Các nhân tố tác động đến sự phát triển của thị trường M&A Việt Nam bao gồm:




◆ **Triển vọng kinh tế Việt Nam** đã có sự cải thiện đáng kể. Tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,68%, tăng đáng kể so với mức 6,98% năm 2014 đồng thời lạm phát ở mức thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây;



◆ **Việt Nam đang ngày một hội nhập** sâu rộng hơn với thế giới khi ký kết thành công Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và tham gia đàm phán thỏa thuận thương mại giữa Việt Nam và EU (FTA) cũng như nhiều hiệp định thương mại tự do khác. Điều này mở ra nhiều cơ hội hợp tác, giao thương giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước cũng như mở cửa cho các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào trong nước;



◆ **Hành lang pháp lý** ngày một thông thoáng và tạo môi trường thuận lợi hơn cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước như việc sửa đổi một số bộ luật như Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp, Luật bất



◆ **Quá trình cổ phần hóa, tái cấu trúc** các doanh nghiệp nhà nước đang diễn ra mạnh mẽ góp phần thúc đẩy các hoạt động mua bán sáp nhập doanh nghiệp tăng nhanh.

Tất cả các tín hiệu tích cực trên của nền kinh tế Việt Nam hiện nay tới hứa hẹn tạo điều kiện môi trường thuận lợi thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Với những tín hiệu tích cực của nền kinh tế trong nước và sự tăng trưởng mạnh mẽ của hoạt động M&A Việt Nam trong thời gian gần đây hứa hẹn đây sẽ là một hoạt động đầy tiềm năng đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho BCG tiếp tục mở rộng kinh doanh bằng hình thức M&A các doanh nghiệp có giá trị như định hướng của Công ty.



b. Triển vọng ngành tư vấn tài chính và dịch vụ ngân hàng đầu tư

Bên cạnh nền tảng tăng trưởng thông qua mua bán sáp nhập doanh nghiệp, BCG cũng xác định hoạt động tư vấn và dịch vụ ngân hàng đầu tư là trung tâm, nhằm tạo ra các lợi thế tương hỗ, các giá trị khác biệt và sự gắn kết cho toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp.

Qua phân tích và đánh giá định hướng và xu thế phát triển của ngành, có thể thấy triển vọng phát triển của ngành trong những năm tới còn rất lớn.

Tuy nhiên, đi kèm với đó còn là những thách thức rất lớn về cạnh tranh khi miếng bánh thị trường không chỉ dành cho các tổ chức trong nước mà còn có sự góp mặt của các tổ chức trong nước mà còn có sự góp mặt của các tổ chức, định chế tài chính từ nước ngoài.



c. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty trong hoạt động thương mại, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Trong nền kinh tế toàn cầu hóa, việc xây dựng và phát triển doanh nghiệp bền vững là một xu thế tất yếu của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, là yêu cầu cơ bản để đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại.

Những bước phát triển tiếp theo của nền kinh tế là sẽ có sự kết nối ngày càng mạnh mẽ giữa các thị trường toàn cầu. Nhận thức được vấn đề đó, Chính phủ rất quan tâm chú trọng tới sự phát triển hội nhập và định hướng sự phát triển sát với xu thế phát triển chung của thế giới.

Năm 2015 đánh dấu một cột mốc quan trọng trong tiến trình hội nhập của Việt Nam với việc thực hiện cam kết của các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà chúng ta đã ký kết, điển hình là hiệp định thương mại tự do ASEAN, ASEAN – Trung Quốc, ASEAN – Hàn Quốc. Đặc biệt, hiện nay Hiệp định đối tác thương mại xuyên Thái Bình Dương (TPP) đã được ký kết, kết thúc quá trình đàm phán kéo dài nhiều năm. Đây hiện đang là một trong những đàm phán thương mại quan trọng nhất của Việt Nam, bao gồm không chỉ các vấn đề mở cửa thị trường hàng hóa và dịch vụ mà còn cả những vấn đề phi thương.

Nắm bắt được

xu thế xu thế hội nhập và phát triển của đất nước, Ban lãnh đạo đã định hướng cho Bamboo Capital phát triển trở thành một trong những công ty đa ngành tốt nhất Việt Nam. Phương châm phát triển trong 3-5 năm tới của Công ty là phát triển theo xu hướng đón đầu hiệp định TPP.

Chính vì vậy, thời gian qua Công ty đã liên tục đẩy mạnh các hoạt động mua bán và sát nhập các doanh nghiệp có giá trị, tiềm năng tốt và có ngành nghề sản xuất những sản phẩm thế mạnh của Việt Nam, trong đó có các sản phẩm trong ngành công nghiệp hỗ trợ. Có thể kể đến một số thương vụ đầu tư tiêu biểu như đầu tư vào Công ty Cổ phần Thành Phúc, Công ty Cổ phần Phát Triển Nguyễn Hoàng, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải.



Như vậy,

định hướng phát triển của Công ty bước tiếp theo là phải tận dụng lợi thế tương hỗ các công ty thành viên mở rộng phát triển hoạt động thương mại tạo ra sự phát triển khép kín cho hệ thống công ty BCG. Chiến lược BCG tận dụng được những lợi thế chủ quan của doanh nghiệp và những lợi thế khách quan do nhu cầu thị trường và chính sách Nhà nước đem lại từ đó phát huy những cơ hội giao thương toàn cầu.

d. Hoạt động phát triển dự án trong năm 2016:

Hoạt động BCG trong năm 2016 tập trung công tác tái cấu trúc công ty con sau M&A và kết quả kinh doanh hợp nhất của công ty thể hiện phần lớn doanh số đóng góp từ công ty con.

Trong năm 2016, chiến lược công ty mẹ ngoài việc phát triển các công ty thành viên sẽ phải tập trung vào hoạt động cốt lõi tạo ra dòng tiền cho riêng công ty mẹ nhằm tạo ra sự phát triển cân bằng và ổn định cho BCG. Với chiến lược như vậy, BCG trong năm 2016 sẽ trực tiếp tham gia phát triển các dự án mà sẽ tạo ra dòng thu ổn định trong tương lai cho BCG.





PHẦN 5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty hiện có 5 thành viên, trong đó có 1 thành viên thường trực 2 thành viên độc lập và 2 thành viên tham gia điều hành công ty.

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (31/12/2015)	Chức danh nắm giữ tại các công ty khác
1	Leong Kwek Choon	Chủ tịch	26.000 cổ phần	
2	Nguyễn Hồ Nam	P. Chủ tịch thường trực	2.416.694 cổ phần	<ul style="list-style-type: none">- Phó Chủ tịch kiêm TGD CTCP Phát triển Công nghiệp và Vận tải (Tracodi)- Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch vụ Hợp điểm- Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Quản lý quỹ Thăng Long- TV HĐQT CTCP Đóng tàu và Dịch vụ dầu khí Vũng Tàu- Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư xây dựng số 9 Hà Nội- TV HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
3	Nguyễn Thế Tài	Phó Chủ tịch	2.290.000 cổ phần	<ul style="list-style-type: none">- Thành viên BKS CTCP Quản lý quỹ Thăng Long- Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch vụ Hợp điểm
4	Đặng Trung Kiên	Phó Chủ tịch	430.000 cổ phần	<ul style="list-style-type: none">- Chủ tịch CT TNHH MTV Đầu tư phát triển Trường Thành Việt Nam- Phó chủ tịch CTCP Bất động sản và xây dựng Trường Thành- Chủ tịch HĐQT CT TNHH Dịch vụ bảo vệ Trường Thành Đại Nam Security- Chủ tịch CTCP Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành- Chủ tịch CTCP Phát triển Công nghiệp và Vận tải (Tracodi)

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (31/12/2015)	Chức danh nắm giữ tại các công ty khác
5	Nguyễn Thanh Hùng	Thành viên	30.000 cổ phần	<ul style="list-style-type: none"> - TV HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Phát triển Công nghiệp và Vận tải (Tracodi) - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH liên doanh khai thác chế biến vật liệu xây dựng An Giang (Antraco) - Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư và Phát triển Dự án Hạ tầng Thái Bình Dương (PPI) - TV BKS CTCP Đóng tàu và Dịch vụ dầu khí Vũng Tàu - Chủ tịch HĐQT CTCP Viet Golden Farm - Thành viên HĐQT CTCP Quản lý quỹ Thăng Long - Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Nông lâm nghiệp Cánh đồng vàng



b) Các tiểu ban thuộc HĐQT

Thành lập Ban Xử lý thông tin theo QĐ số 19/2015/QĐ-HĐQT ban hành ngày 24/07/2015

Ban Xử lý thông tin chịu trách nhiệm làm việc với các cơ quan báo chí, truyền thông báo chí cũng như lập các phương án xử lý khủng hoảng thông tin cho Công ty trong trường hợp cần thiết.

c) Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết phù hợp với các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty để chỉ đạo và giám sát kịp thời hoạt động quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

- **Đánh giá chung hoạt động của HĐQT năm 2015.**

Trong năm 2015, HĐQT Công ty đã phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ đề ra, tuân thủ các quy định của pháp luật, chế độ kế toán, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định hiện hành khác.

Thực hiện chế độ chi tiêu minh bạch phù hợp với quy định của điều lệ Công ty và các quy định của nhà nước.

Xây dựng bộ máy phù hợp với nhu cầu và lĩnh vực hoạt động của Công ty hiện tại và có sự chuẩn bị nguồn lực cho phát triển.



- **Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty năm 2016.**

Trong năm 2016, HĐQT sẽ tăng cường việc chỉ đạo, giám sát chặt chẽ hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời sẽ tạo điều kiện thuận lợi để Ban Tổng Giám đốc hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đề ra.

Tiếp tục ban hành và kiện toàn các quy chế quản lý, tăng cường hơn nữa việc kiểm tra, theo dõi, đánh giá quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT.

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị công ty đã có 17 cuộc họp , trong đó 100% các nghị quyết được thông qua và có hiệu lực thi hành, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định/ Tờ trình	Ngày	Nội dung
1	12/2015/QĐ-HĐQT	3/6/2015	V/v ban hành Quy chế quản lý các Công ty trực thuộc của Công ty cổ phần Bamboo Capital
2	14/2015/QĐ-HĐQT	24/6/2015	V/v ban hành Quy chế cấp, quản lý, sử dụng ô tô của Công ty cổ phần Bamboo Capital
3	15/2015/NQ-HĐQT	30/6/2015	V/v Góp vốn vào Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phú Thuận
4	16/2015/NQ-HĐQT	07/7/2015	V/v: Thông qua Giá niêm yết cổ phiếu CTCP Bamboo Capital
5	17/2015/NQ-HĐQT	09/7/2015	V/v: Ban hành Quy chế Công bố thông tin của CTCP Bamboo Capital
6	18/2015/NQ- HĐQT	20/07/2015	V/v đầu tư vốn vào Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Đông Dương Thăng Long
7	19/2015/QĐ-HĐQT	24/07/2015	V/v Thành lập Ban xử lý khủng hoảng thông tin của Công ty CP Bamboo Capital
8	20/2015/QĐ-HĐQT	24/07/2015	V/v Ban hành Quy chế Xử lý khủng hoảng thông tin của Công ty CP Bamboo Capital
9	21/2015/NQ- HĐQT	04/08/2015	V/v thống nhất các nội dung về quản trị, điều hành và đầu tư của Bamboo và các Công ty thành viên (căn cứ biên bản họp số 08/2015/BBH-HĐQT)
10	22/2015/QĐ-HĐQT	13/08/2015	V/v: Thành lập Phòng kinh doanh Nông sản
11	23/2015/NQ-HĐQT	20/08/2015	V/v: Giao quyền xử lý cổ phiếu HQC là tài sản đảm bảo

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định/ Tờ trình	Ngày	Nội dung
1	24/2015/QĐ-HĐQT	21/08/2015	V/v: Ban hành Quy chế quản lý Tài chính CTCP Bamboo Capital
2	25/2015/NQ-HĐQT	03/09/2015	V/v: Góp vốn vào Công ty cổ phần ACG Vietnam
3	26/2015/NQ-HĐQT	30/09/2015	V/v: Góp vốn vào Công ty cổ phần Tracodi Invest
4	27/2015/NQ-HĐQT	16/11/2015	V/v: Cử người đại diện phần vốn góp tại CTCP Nguyễn Hoàng
5	28/2015/NQ-HĐQT	14/12/2015	V/v: Phiên họp thường kỳ mở rộng của HĐQT Công ty CP Bamboo Capital
6	30/2015/NQ-HĐQT	31/12/2015	V/v: Ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Bamboo Capital

d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Thành viên HĐQT độc lập tham dự đầy đủ các cuộc họp và các hoạt động của HĐQT. Các thành viên đều xem xét, đóng góp ý kiến thuộc thẩm quyền HĐQT, làm cơ sở để HĐQT ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan.

e) Danh sách các Thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

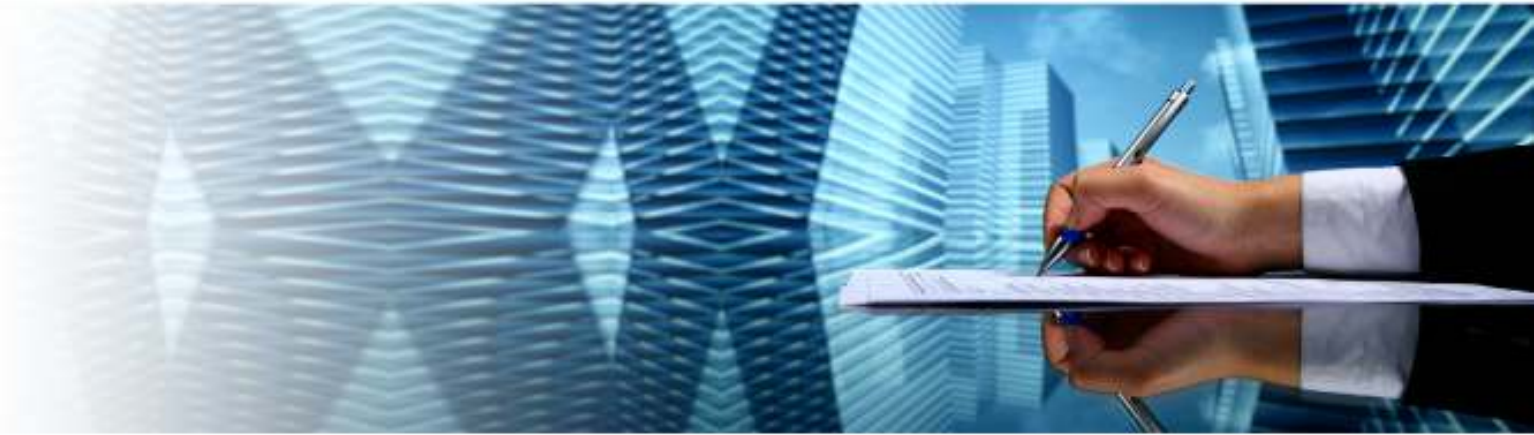
STT	Thành viên HĐQT
1	Nguyễn Hồ Nam
2	Nguyễn Thế Tài
3	Nguyễn Thanh Hùng



2. BAN KIỂM SOÁT

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (31/12/2015)
1	Đình Hoài Châu	Trưởng Ban	20.000 cổ phần
2	Bùi Thành Lâm	Thành viên	0 cổ phần
3	Lê Thị Mai Loan	Thành viên	20.000 cổ phần



2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

a. Giám sát thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- Niêm yết thành công cổ phiếu BCG trên sàn HOSE trong năm 2015
- Thực hiện tốt các chủ trương đầu tư như thành lập, góp vốn vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư dài hạn khác ...

b. Giám sát tình hình tài chính năm 2015

- Ban kiểm soát thực hiện định kỳ trao đổi với kiểm toán độc lập về phạm vi kiểm toán, kết quả kiểm toán và các vấn đề khác cần quan tâm trong hệ thống kiểm soát nội bộ. Định kỳ rà soát phân tích thông tin, số liệu trên báo cáo tài chính.

- Căn cứ vào các báo cáo định kỳ và số liệu phân tích do Ban điều hành trình bày tại các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát đánh giá:

- Các chỉ số cơ bản về tình hình công nợ, vốn vay, tính thanh khoản, hiệu quả sử dụng tài sản, trích lập dự phòng, vốn chủ sở hữu đều đạt.
- Kết quả doanh thu, lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh của BCG đều đạt kế hoạch.

c. Giám sát tình hình hoạt động năm 2015

- Ban kiểm soát đã theo dõi sát sao thông qua việc trao đổi thường xuyên và đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị và lãnh đạo BCG về quản trị rủi ro trong hoạt động đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên của tập đoàn.

d. Giám sát hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông

- Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị hàng quý và theo yêu cầu, nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế của BCG và đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị và Ban điều hành, Ban Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại đại hội tháng 4 năm 2015.

e. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Trong năm 2015, đã tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản trị Công ty, bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành, điều lệ, và thực tiễn hoạt động kinh doanh, chiến lược đầu tư phát triển của Công ty.



3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Hội đồng quản trị: Không chi thù lao cho HĐQT trong năm 2015
- Ban kiểm soát: 216.000.000 đồng/năm

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với Công ty	Nội dung giao dịch
1	Trần Thị Kiều Tiên	Cổ đông lớn	Giảm tỷ lệ sở hữu từ 19.96% xuống 4.83%

c) Việc thực hiện các quy định quản trị công ty: Tốt



PHẦN 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
- 2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**
- 3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**
 - Bảng cân đối kế toán hợp nhất
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
 - Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bamboo Capital (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

1. Hình thức sở hữu vốn của Công ty

Công ty Cổ phần Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 13 ngày 13/03/2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: **407,000,000,000 VND**

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2015: **407,000,000,000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty và các Công ty con

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh của Công ty và các Công ty con

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản). Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận. Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Bán buôn nông, lâm, thủy sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn cao su mủ cốm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Sản xuất đồ gỗ dân dụng. Khai thác đá, cát sỏi, đất sét. Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp. Khai thác gỗ. Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế. Đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng ô tô trên địa bàn TP.HCM.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các Công ty con là trong vòng 12 tháng.

5. Cấu trúc tập đoàn - Công ty và các Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty Cổ phần Bamboo Capital có 5 (năm) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 2 (hai) Công ty con kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con là Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải. Danh sách cụ thể như sau:

a. Danh sách Công ty con kiểm soát trực tiếp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM	68.0%	68.0%
Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	Khu TTCN Nhơn Hòa, P. Nhơn Hòa, TX An Nhơn, Bình Định	90.0%	90.0%
Công ty CP Thành Phúc	Lô D4, D5, D9, D10 – KCN Đông Bắc Sông Cầu, TX Sông Cầu, Phú Yên	90.0%	90.0%
Công ty TNHH TM DV Phú Thuận	42/2 Nguyễn Đình Khôi, P4, Q.Tân Bình, TP.HCM	50.2%	50.2%
Công ty CP ACG VIETNAM	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	50.9%	50.9%
Công ty CP Viet Golden Farm	L14-08A, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	51%	51%

b. Danh sách Công ty con kiểm soát gián tiếp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Liên doanh khai thác và Chế biến VLXD An Giang	Núi Dài Lớn, Xã Châu Lăng, Huyện Tri Tôn, An Giang	51.0%	34.7%

c. Danh sách Công ty liên kết quan trọng được hợp nhất trong báo cáo này theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 01 (một) Công ty liên kết quan trọng (kiểm soát thông qua Công ty con) được hợp nhất trong báo cáo này.

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Taxi Việt Nam	89 Cách Mạng Tháng 8, P.Bến Thành Q.1, TP.HCM	30.0%	20.4%

5. Kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015 của Công ty và các Công ty con được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

6. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

7. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Đại diện theo Pháp luật

* Hội đồng Quản trị

Ông Leong Kwek Choon	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồ Nam	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Tài	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Trung Kiên	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Ủy Viên

* Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thị Minh Châu	Kế toán trưởng

* Ban Kiểm soát

Ông Đinh Hoài Châu	Trưởng ban
Ông Bùi Thành Lâm	Thành viên
Bà Lê Thị Mai Loan	Thành viên

* Đại diện pháp luật

Ông Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc
--------------------	----------------------

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính năm 2015 của Công ty và các Công ty con

9. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không

còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty và các Công ty con tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản, thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác của Công ty và các Công ty con.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty và các Công ty con không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2015 của CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL VÀ CÁC CÔNG TY CON.

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2016

**Thay mặt Hội đồng Quản trị
Phó Chủ tịch hội đồng quản trị**

Nguyễn Hồ Nam

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2016



Nguyễn Thế Tài

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bamboo Capital**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bamboo Capital và các Công ty con được lập ngày 15/03/2016 từ trang 09 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bamboo Capital và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngày 30 tháng 03 năm 2016

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam**



Đỗ Khắc Thanh

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên

A handwritten signature in blue ink, positioned below the text "Kiểm toán viên".

Nguyễn Vũ

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0699-2013-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		441,881,898,095	49,228,274,557
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	27,925,351,416	20,582,606
tiền				20,582,606
1. Tiền	111		26,925,351,416	
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,000,000,000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.03	2,800,209,690	
1. Chứng khoán kinh doanh	121		951,748,890	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(251,539,200)	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2,100,000,000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		311,201,555,612	8,441,591,951
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	224,838,570,099	6,927,000,000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14,611,335,998	3,959,838
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	13,691,655,437	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	80,557,802,617	1,510,632,113
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(22,842,343,701)	
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		344,535,162	
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	94,777,955,119	40,766,100,000
1. Hàng tồn kho	141		95,072,208,319	40,766,100,000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(294,253,200)	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5,176,826,257	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	-	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,806,878,121	
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15	1,369,948,137	
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.12	-	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		438,764,353,479	269,668,521,755
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1,946,827,373	600,827,373
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	1,946,827,373	600,827,373
II. Tài sản cố định	220		77,565,034,912	89,508,776
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	77,446,034,909	89,508,776
- Nguyên giá	222		149,903,202,005	317,496,200
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(72,457,167,096)	(227,987,424)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	119,000,003	
- Nguyên giá	228		221,622,500	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(102,622,497)	
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	7,575,256,639	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7,575,256,639	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.03	46,257,267,524	268,755,077,600
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		30,933,033,631	1,108,600,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		16,466,257,918	267,646,477,600
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1,142,024,025)	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		305,419,967,031	223,108,006
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	35,872,132,411	223,108,006
5. Lợi thế thương mại	269		269,547,834,620	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		880,646,251,574	318,896,796,312

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C . NỢ PHẢI TRẢ	300		371,209,118,353	297,278,937,567
I. Nợ ngắn hạn	310		337,406,515,468	33,065,459,967
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	142,942,435,515	27,503,491,438
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		27,216,966,627	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	23,343,776,025	1,494,436,307
4. Phải trả người lao động	314		4,725,839,118	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	4,853,127,969	
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	38,714,657,420	4,067,532,222
10. Vay và nợ tài chính ngắn hạn	320	V.13	95,062,315,191	
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		547,397,603	
II. Nợ dài hạn	330		33,802,602,885	264,213,477,600
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	13,453,911,611	264,213,477,600
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	16,775,186,450	
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		3,573,504,824	
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343			
D . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		509,437,133,220	21,617,858,745
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	509,437,133,220	21,617,858,745
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		407,000,000,000	21,600,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		407,000,000,000	21,600,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu ngân quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		39,823,895,190	17,858,745
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(6,490,606,857)	(18,934,583,402)
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		46,314,502,047	18,952,442,147
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		62,613,238,030	
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		880,646,251,574	318,896,796,312

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Châu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thế Tài

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	975,098,385,347	17,394,727,270
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		56,036,597	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		975,042,348,750	17,394,727,270
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	877,485,516,369	780,000,000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		97,556,832,381	16,614,727,270
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	59,128,625,265	4,900,797,967
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	19,169,804,040	
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		16,677,024,758	
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		9,650,301,405	
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	16,472,692,391	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	61,311,929,130	2,431,160,558
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		69,381,333,490	19,084,364,679
12. Thu nhập khác	31		2,731,011,645	404,545
13. Chi phí khác	32		1,217,139,648	97,312,674
14. Lợi nhuận khác	40		1,513,871,997	(96,908,129)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		70,895,205,487	18,987,456,550
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	14,906,138,499	35,014,403
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		3,573,504,824	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		52,415,562,164	18,952,442,147
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		39,806,036,445	18,952,442,147
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		12,609,525,718	
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	978	8,774
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	978	8,774

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Châu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thế Tài

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		70,895,205,487	18,987,456,550
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4,558,790,740	80,816,748
- Các khoản dự phòng	03		10,813,607,764	
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		106,173	(4,900,797,967)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(40,722,179,305)	
- Chi phí lãi vay	06		16,677,024,758	
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		62,222,555,617	14,167,475,331
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(105,140,350,922)	(3,853,413,120)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		81,961,254,422	(40,766,100,000)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		38,800,693,435	137,602,914,140
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(987,825,607)	451,115,994
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		425,986,750	
- Tiền lãi vay đã trả	14		(16,677,024,758)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10,361,718,420)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(771,400,000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		49,472,170,518	107,601,992,345

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(39,262,451,361)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		9,091,094,399	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(14,191,655,437)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(395,507,351,555)	(113,809,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			1,281,653,200
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		34,313,236,550	4,900,797,967
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(405,557,127,404)	(107,626,548,833)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	31		385,400,000,000	
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	33		196,544,131,261	
3. Tiền thu từ đi vay	34		(197,954,299,393)	
4. Tiền trả nợ gốc vay	40			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		383,989,831,868	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		27,904,874,983	(24,556,488)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20,582,606	45,139,094
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		106,173	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		27,925,563,762	20,582,606

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Minh Châu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thế Tài

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 13 ngày 13/03/2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: **407,000,000,000 VND**

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2015: **407,000,000,000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản). Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận. Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Bán buôn nông, lâm, thủy sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn cao su mủ cốm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Sản xuất đồ gỗ dân dụng. Khai thác đá, cát sỏi, đất sét. Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp. Khai thác gỗ. Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế. Đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng ô tô trên địa bàn TP.HCM.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các Công ty con là trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

không có.

6. Cấu trúc Công ty và các Công ty con

Tổng số các Công ty con:

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất:	7	Công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất:	7	Công ty
	-	Công ty

a. Danh sách các Công ty con hợp nhất trong báo cáo:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỉ lệ lợi ích
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM.	68.01%

Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	Khu TTCN Nhơn Hòa, P. Nhơn Hòa, TX An Nhơn, Bình Định	90.00%
Công ty CP Thành Phúc	Lô D4, D5, D9, D10 – KCN Đông Bắc Sông Cầu, TX Sông Cầu, Phú Yên	50.20%
Công ty TNHH TM DV Phú Thuận	42/2 Nguyễn Đình Khôi, P4, Q.Tân Bình, TP.HCM	50.90%
Công ty CP ACG VIETNAM	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	51.00%
Công ty CP Viet Golden Farm	L14-08A, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	51.00%

b. Danh sách Công ty liên kết quan trọng được hợp nhất trong báo cáo này theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỉ lệ lợi ích</i>
Công ty Taxi Việt Nam	89 Cách Mạng Tháng 8, P.Bến Thành, Quận 1, TP.HCM	20.40%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo nguyên tắc:

- Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá tỷ giá giao dịch thực tế;
- Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng khoản đầu tư nắm giữ: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi cần được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở

thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

7. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các

khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác ...

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

20. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua một lần mua

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con và phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua phải được loại trừ hoàn toàn, theo nguyên tắc:

- Công ty mẹ phải ghi nhận tài sản, nợ phải trả của công ty con theo giá trị hợp lý tại ngày mua;
- Công ty mẹ phải ghi nhận riêng rẽ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua.
- Công ty mẹ ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả đối với các tài sản, nợ phải trả của công ty con có giá trị hợp lý cao hơn giá trị ghi sổ; Ghi nhận tài sản thuế hoãn lại đối với các tài sản, nợ phải trả của công ty con có giá trị hợp lý nhỏ hơn giá trị ghi sổ;

Khoản lợi thế thương mại hoặc khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ trong quá trình mua công ty con (nếu có) được ghi nhận đồng thời khi loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con.

b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát". Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con. Thu nhập của cổ đông không kiểm soát trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được phản ánh trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát - Mã số 62".

Khi xác định giá trị phần lợi ích cổ đông không kiểm soát cuối kỳ phải loại trừ ảnh hưởng của:

- Cổ tức ưu đãi phải trả;
- Quỹ khen thưởng phúc lợi phải trích lập trong kỳ.

Ngoài những điều trên, lợi ích cổ đông không kiểm soát còn bị ảnh hưởng bởi các giao dịch nội bộ khác.

c. Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty Con

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu (không ghi nhận như lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ). Trong trường hợp này, công ty mẹ không thực hiện việc ghi nhận tài sản thuần của công ty con theo giá trị hợp lý như tại thời điểm kiểm soát công ty con.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, trước khi thực hiện việc loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ và công ty con, kế toán phải thực hiện một số điều chỉnh đối với giá phí khoản đầu tư của công ty mẹ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

d. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

- Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

- Điều chỉnh các khoản mục nội bộ khác

Số dư các khoản mục phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn, như phải thu, phải trả, doanh thu chưa thực hiện, chi phí trả trước... phải được loại trừ hoàn toàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản doanh thu, thu nhập, giá vốn, chi phí phát sinh từ các giao dịch khác trong nội bộ tập đoàn, như các khoản doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, doanh thu cho thuê, cung cấp dịch vụ... trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn.

e. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ phân bổ lũy kế. Giá gốc lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị có thể thu hồi khi Ban điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số kỳ đầu
- Tiền mặt	3,396,585,159	5,594,354
- Tiền gửi ngân hàng	23,528,766,257	14,988,252
<i>Tiền gửi VND</i>	22,293,842,217	12,838,307
<i>Tiền gửi ngoại tệ</i>	1,234,924,040	2,149,945
- Tiền đang chuyển	-	
- Các khoản tương đương tiền	1,000,000,000	
Tổng cộng	27,925,351,416	20,582,606

2. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số kỳ đầu
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	224,838,570,099	6,927,000,000
+ CTY TNHH MTV NÔNG NGHIỆP ĐỨC LONG GIA LAI	1,331,780,000	
+ CT TNHH MTV Đầu tư Phát triển Trường Thành Việt Nam	56,049,809,050	
+ TEKZEN TICARET VE YATIRIM A.S.	2,075,436,924	
+ CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU	1,050,000,000	
+ PHẠM THỊ NGỌC THANH	-	
+ CN TỔNG CÔNG TY 6	2,807,370,897	
+ BQL KTKD KDC PHỐ CHỢ AN SƠN	6,994,723,669	
+ TỔNG CÔNG TY GIẤY - DAP.NAM GT 15	4,650,178,178	
+ TỔNG CÔNG TY GIẤY - DAP.NAM GT 23	1,744,528,851	
+ TỔNG CÔNG TY GIẤY - DAP.NAM GT 11	2,446,026,000	
+ BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH LONG AN	3,713,483,537	
+ Cty TNHH MTV Nam Địa Tấn-HCM	2,935,641,790	
+ Cty CP XD Hàng Không 647-TPHCM	2,135,437,300	

+ Cty TNHH XD Cầu Đường AG	2,049,552,190	
+ Cty CP Đầu Tư & Xây Dựng Lê Thanh	2,698,389,620	
+ CÔNG TY TNHH THẮNG PHƯƠNG	55,555,873,560	
+ CTY TNHH ĐT XD-TM BĂNG DƯƠNG	24,222,528,000	
+ BAQL DA ĐƯỜNG NAM QN TRÀ MY TRÀ BỒNG	1,551,836,000	
+ CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC	50,825,974,533	6,927,000,000
<i>b. Phải thu khách hàng dài hạn</i>	-	-
<i>c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	-	-

131 **3. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

BÁO CÁO THƯƠNG NIÊN 2015

a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số kỳ đầu		
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Tổng giá trị cổ phiếu	951,748,890	700,209,690	251,539,200			
Chi tiết số dư như sau:						
+ Công ty CP bảo hiểm Dầu Khí	853,200	853,200				
+ Công ty CP nhiệt điện Bà Rịa	53,000,000	53,000,000				
+ Công ty CP dược phẩm VINAPHAM	445,939,200	194,400,000	251,539,200			
+ Công ty CP cơ khí An Giang	451,655,840	451,655,840				
+ Công ty CP Viễn Liên	257,400	257,400				
+ Công ty CP vật tư kỹ thuật Cần Thơ	43,250	43,250				
Tổng cộng:	951,748,890	700,209,690	251,539,200			

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ	
	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ
<i>b.1 Ngắn hạn:</i>	2,100,000,000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	<i>2,100,000,000</i>	
<i>b.2 Dài hạn:</i>		
Tổng cộng:	2,100,000,000	

Số kỳ đầu	
Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ

3. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số kỳ đầu		
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	26,846,628,875	30,933,033,631	-	1,108,600,000	1,108,600,000	-
+ Công ty CP TM Giải Pháp Tre				138,000,000	138,000,000	-
+ Công ty CP DV Hợp Điểm				970,600,000	970,600,000	-
+ Công ty Taxi Việt Nam (**)	26,062,628,875	30,149,033,631				
+ Công ty Tracodi Investment	784,000,000	784,000,000				
- Đầu tư vào các đơn vị khác	16,466,257,918	15,324,233,893	1,142,024,025	267,646,477,600	267,646,477,600	-
+ Công ty CP TM Giải Pháp Tre	138,000,000	138,000,000	-			
+ Công ty CP DV Hợp Điểm	1,070,600,000	1,070,600,000	-			
+ Công ty CP KT KS Bắc Hà (*)	4,213,477,600	4,213,477,600	-	4,213,477,600	4,213,477,600	
+ Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông				260,000,000,000	260,000,000,000	-
+ Công ty CP KT KS Bắc Hà	3,133,000,000	3,133,000,000	-	3,133,000,000	3,133,000,000	-
+ Công ty TNHH DV BV Trường Thành Đại Nam	280,000,000	280,000,000	-	280,000,000	280,000,000	-
+ Công ty CP Renatus	20,000,000	20,000,000	-	20,000,000	20,000,000	-

	Số cuối kỳ			Số kỳ đầu		
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
+ Công ty LD TV Thiết kế và XD Folec (**)	1,142,024,025		1,142,024,025			
+ Công ty CP DĐT và KD Tài sản Việt Nam	69,210,933	69,210,933				
+ Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật dầu khí VN	99,945,360	99,945,360				
+ Công ty Tracodi Sông Đà	300,000,000	300,000,000				
+ Hợp tác đầu tư (***)	6,000,000,000	6,000,000,000	-			
Tổng cộng	43,312,886,793	46,257,267,524	1,142,024,025	268,755,077,600	268,755,077,600	

(*) Đây là khoản đầu tư mua cổ phần của Công ty CP Khai thác Khoáng sản Bắc Hà theo các hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty với các cá nhân. Công ty sẽ làm trung gian đầu tư và nắm giữ cổ phần theo yêu cầu của các cá nhân ủy thác trên từng hợp đồng. Sau thời gian ủy thác, Công ty sẽ chuyển nhượng lại cho bên ủy thác. Chi tiết được thuyết minh tại Thuyết minh V.17-Các khoản phải trả dài hạn.

(**) Đây là khoản đầu tư của Công ty con - Công ty Tracodi. Cụ thể:

- Công ty LD TVTK và XD Folec: Tracodi chiếm 4% vốn điều lệ. Công ty này đã giải thể theo Quyết định số 0106/09/QĐ-FV ngày 01/06/2009.

- Công ty Taxi Việt Nam: Tracodi chiếm 30% vốn điều lệ.

(***) Góp vốn hợp tác kinh doanh để thực hiện dự án Khu nhà ở Đông Dương theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2014/TP-DD, giữa Công ty Cổ phần Thành Phúc với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đông Dương.

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<i>a. Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>	13,691,655,437	-
- Võ Thị Thu Hằng (*)	13,691,655,437	13,691,655,437
<i>b. Phải thu về cho vay dài hạn</i>		
Tổng cộng:	13,691,655,437	-

(*) Theo hợp đồng vay vốn số 04/2015/HĐVV-BCG-DN ngày 22/05/2015, thời hạn cho vay 18 tháng, lãi suất 8%/năm.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số cuối kỳ	Dự phòng	Số cuối kỳ	Dự phòng
a. Phải thu ngắn hạn khác	80,557,802,617	-	80,557,802,617	-
- Phải thu về cổ phần hóa	-			
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	3,020,100,000			
- Phải thu bảo hiểm của người lao động	-			
- Dự thu lãi tiền cho vay	2,254,822,963			
- Tạm ứng	56,859,330,443		1,319,290,369	
- Ký cược, ký quỹ	1,920,384,147		6,000,000	
- Cho mượn	-		14,000,000	
- Phải thu khác	16,503,165,064		171,341,744	
b. Phải thu dài hạn khác	1,946,827,373	-	600,827,373	-
- Ký cược, ký quỹ	1,946,827,373		600,827,373	
Tổng cộng:	82,504,629,990	-	2,111,459,486	

6. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị đã trích dự phòng	Giá gốc	Giá trị đã trích dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	27,659,512,555			
Trong đó:				
+ Các khoản phải thu khách hàng	23,173,911,392	23,173,911,392		
+ Các khoản trả trước người bán	1,368,828,880	1,368,828,880		
+ Các khoản tạm ứng cho đội thi công	3,116,772,283	3,116,772,283		
+ Các khoản tài sản thiếu chờ xử lý				
Tổng cộng:	27,659,512,555	22,842,343,701	-	-

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường	-			
- Nguyên liệu, vật liệu	48,506,404,449			
- Công cụ, dụng cụ	229,220,772			
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14,939,485,872			
- Thành phẩm	9,094,192,366			
- Hàng hóa	22,176,780,862	294,253,200	40,766,100,000	
- Hàng hóa gửi bán	126,123,998			
- Hàng hóa kho bảo thuế	-			
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	95,072,208,319	294,253,200	40,766,100,000	

8. TÀI SẢN DỎ DANG DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Xây dựng cơ bản dở dang		
+ Dự án Trung tâm TM Củ Chi	2,653,307,634	-
+ Dự án Khu du lịch của Công ty CP PT Nguyễn Hoàng	4,527,478,906	
+ Dự án XD CB dở dang tại Antraco	201,970,099	
- Mua phần mềm	192,500,000	
Tổng cộng	7,575,256,639	-

8. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Xây dựng cơ bản dở dang		
+ Dự án Trung tâm TM Củ Chi	2,653,307,634	-
+ Dự án Khu du lịch của Công ty CP PT Nguyễn Hoàng	4,527,478,906	
+ Dự án XD CB dở dang tại Antraco	201,970,099	
- Mua phần mềm	192,500,000	
Tổng cộng	7,575,256,639	-

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm				317,496,200		317,496,200
2. Số tăng trong năm	36,907,115,094	98,644,631,185	22,266,167,229	3,401,256,737	1,076,876,024	162,296,046,269
- Mua trong năm	832,708,565	31,457,781,478	6,860,662,730	93,290,000		39,244,442,773
- Đầu tư XD CB hoàn thành		616,363,636				616,363,636
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	36,074,406,529	66,570,486,071	12,786,140,788	3,307,966,737	1,076,876,024	119,815,876,149
- Tăng khác			2,619,363,711			2,619,363,711
3. Số giảm trong năm	-	(9,170,519,480)	(920,457,273)	(2,619,363,711)	-	(12,710,340,464)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(9,170,519,480)	(920,457,273)	-	-	(10,090,976,753)
- Giảm khác	-	-	-	(2,619,363,711)	-	(2,619,363,711)
4. Số dư cuối năm	36,907,115,094	89,474,111,705	21,345,709,956	1,099,389,226	1,076,876,024	149,903,202,005

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm				227,987,424		227,987,424
2. Khấu hao trong năm	15,448,741,524	46,730,562,133	10,673,927,063	1,359,449,720	232,694,021	74,445,374,461
- Khấu hao tăng trong năm	1,293,800,070	2,228,160,873	847,746,684	104,886,030	56,197,086	4,530,790,743
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	14,154,941,454	44,502,401,260	9,083,803,330	1,254,563,690	176,496,935	69,172,206,669
- Tăng khác			742,377,049			742,377,049
3. Giảm trong năm	-	(968,862,235)	(504,955,505)	(742,377,049)	-	(2,216,194,789)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(968,862,235)	(504,955,505)	-	-	(1,473,817,740)
- Giảm khác	-	-	-	(742,377,049)	-	(742,377,049)
4. Số dư cuối năm	15,448,741,524	45,761,699,898	10,168,971,558	845,060,095	232,694,021	72,457,167,096
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	89,508,776	-	89,508,776
2. Tại ngày cuối năm	21,458,373,570	43,712,411,807	11,176,738,398	254,329,131	844,182,003	77,446,034,909

10. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	-	-
2. Số tăng trong năm	-	-	-	221,622,500	221,622,500
- Mua trong năm	-	-	-	42,000,000	42,000,000
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					
- Tăng do hợp nhất kinh doanh				179,622,500	179,622,500
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	221,622,500	221,622,500

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	-	-
2. Khấu hao trong năm	-	-	-	102,622,497	102,622,497
- Khấu hao tăng trong năm	-	-	-	27,999,997	27,999,997
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	74,622,500	74,622,500
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	102,622,497	102,622,497
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	119,000,003	119,000,003

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số kỳ đầu</i>
a. Ngắn hạn	-	-
- Chi phí CCDC xuất dùng		
- Chi phí đi vay		
- Chi phí khác		
b. Dài hạn	35,872,132,411	223,108,006
- Chi phí thành lập doanh nghiệp		
- Chi phí bảo hiểm		
- Giá trị lợi thế thương mại	24,665,869,855	
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn		
- Chi phí CCDC xuất dùng	10,032,341,645	223,108,006
- Chi phí khác	1,173,920,911	
	<hr/>	<hr/>
Tổng cộng:	35,872,132,411	223,108,006

12. TÀI SẢN KHÁC

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số kỳ đầu</i>
a. Ngắn hạn		-
b. Dài hạn		-
Tổng cộng:	-	-

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số đầu kỳ		Phát sinh		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	-		216,987,885,725	121,925,570,534	95,062,315,191	95,062,315,191
+ Ông Nguyễn Văn Chương			780,000,000	780,000,000	-	-
+ Bà Hồ Thị Anh Lan			1,000,000,000	1,000,000,000	-	-
+ Bà Đỗ Phương Mai (1)	-	-	13,968,460,759		13,968,460,759	13,968,460,759
- Tăng do Hợp nhất kinh doanh						
+ Bà Bùi Thị Hiếu (2)			3,351,746,910		3,351,746,910	3,351,746,910
+ NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Phú Tài (3)			40,925,034,800	14,927,480,450	25,997,554,350	25,997,554,350
+ NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Phú Tài (3)			42,570,640,032	13,995,291,188	28,575,348,844	28,575,348,844
+ Vay chiết khấu NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Phú Tài (3)			4,497,290,160	2,635,802,400	1,861,487,760	1,861,487,760
+ NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Phú Tài (4)			48,465,521,064	34,157,804,496	14,307,716,568	14,307,716,568

	Số đầu kỳ		Phát sinh		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
+ NH TMCP Quốc tế (VIB) (7)			35,100,000,000	33,100,000,000.00	2,000,000,000	2,000,000,000
+ Ngân hàng CP Phát triển Thành phố HCM (9)			3,000,000,000		3,000,000,000	3,000,000,000
+ NH TMCP Phát triển nhà TPNN và PTNT CN Phan Đình Phùng			20,000,000,000	20,000,000,000	-	-
+ Vay dài hạn đến hạn trả: NH TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN An Giang (6)			2,000,000,000		2,000,000,000	2,000,000,000
+ Cá nhân khác			1,329,192,000	1,329,192,000	-	-
b. Vay dài hạn	-		92,803,915,309	76,028,728,859	16,775,186,450	16,775,186,450
+ Trái phiếu thông thường (5)			65,000,000,000	65,000,000,000	-	-
- Tăng do Hợp nhất kinh doanh					-	-
+ Quỹ ĐT PT Long An - Thi công CT839			2,018,617,000	2,018,617,000	-	-

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số đầu kỳ		Phát sinh		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
+ ComfortDelGro (S.E.ASIA) Pte Ltd			2,123,553,859	2,123,553,859	-	-
+ NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Phú Tài (8)			2,000,000,000	2,000,000,000	9,818,686,450	9,818,686,450
+ NH TMCP Quốc tế (VIB) (7)			643,500,000	643,500,000	1,456,500,000	1,456,500,000
+ NH TMCP Á Châu			243,058,000	243,058,000	-	-
+ NH TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN An Giang (6)			9,500,000,000	4,000,000,000	5,500,000,000	5,500,000,000
Cộng	-		309,791,801,034	197,954,299,393	111,837,501,641	111,837,501,641

(1) Theo hợp đồng vay vốn số 02/2015/HĐVV-BCG-DN ngày 01/04/2015, Công ty CP Bamboo Capital vay của Bà Đỗ Phương Mai, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất vay là 0,583%/tháng.

(2) Đây là khoản vay Bà Bùi Thị Hiếu của Công ty Tracodi để thanh toán nợ khách hàng thi công các công trình khu vực Quảng Nam. Không lãi suất.

(3) Đây là các khoản vay từ ngân hàng thương mại theo các Hợp đồng tín dụng từng lần của Công ty con - Công ty CP Nguyễn Hoàng, thời gian đáo hạn là 08 tháng kể từ ngày rút vốn. Các khoản vay được rút bằng đồng Việt Nam hoặc đồng Đô la Mỹ, được dùng để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất các khoản vay bằng đồng Việt Nam và đồng Đô la Mỹ lần lượt là 7%/năm và 4,5%/năm, được quy định trên từng giấy nhận nợ tại ngày rút vốn.

(4) Đây là các khoản vay từ ngân hàng thương mại theo Hợp đồng tín dụng số 542/2014/000893-HĐTDHM/NHCT-542-THANHPHUC ngày 15/07/2014 của Công ty con - Công ty CP Thành Phúc, thời gian đáo hạn là 12 tháng kể từ ngày rút vốn. Các khoản vay được rút bằng đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ, được dùng để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất các khoản vay bằng đồng Việt Nam và Đô la Mỹ lần lượt là 8%/năm và 4,5%/năm, được quy định trên từng giấy nhận nợ tại ngày rút vốn. Đảm bảo bằng toàn bộ tài sản là máy móc, thiết bị, nhà xưởng của Công ty Thành Phúc, và tài sản của bên thứ ba.

(5) Theo hợp đồng mua trái phiếu số 02/2015/HĐMTP ngày 25/03/2015 giữa Công ty và Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội. Công ty đã phát hành 65 trái phiếu thông thường, mệnh giá là 1 tỷ đồng/trái phiếu, lãi suất 11%/năm, kỳ hạn từ ngày 26/03/2015 đến 25/03/2017.

(6) Đây là khoản vay Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam - CN An Giang theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/549016/HĐTD ngày 08 tháng 08 năm 2014, hạn mức là 10 tỷ đồng để mua sắm máy móc thiết bị với lãi suất từng lần nhận nợ. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản của Công ty Antraco.

(7) Đây là các khoản vay từ ngân hàng thương mại theo Hợp đồng tín dụng số 0008/HĐTD-VIB605/15 ngày 02/02/2015, số 0007/HĐTD-VIB605/15 ngày 28/01/2015 của Công ty con - Công ty Phú Thuận. Đảm bảo bằng tài sản của Công ty Phú Thuận và của bên thứ ba.

(8) Vay theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 490/HĐTD ngày 28/11/2014 để thực hiện dự án “Đầu tư nhà máy khai thác sản xuất đá thông thường”. Số tiền vay là 13 tỷ đồng, thời hạn vay là 58 tháng trong đó: thời gian ân hạn là 03 tháng, thời gian thu hồi nợ là 55 tháng.

(9) Vay bổ sung vốn lưu động theo Hợp đồng tín dụng số 5275/15/HĐTDHMDN/002 ngày 24/12/2015. Đảm bảo bằng tài sản bên thứ ba.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP CHO NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
a. Phải nộp	1,494,436,307	62,818,405,285	40,969,065,567	23,343,776,025
Thuế giá trị gia tăng	1,453,326,211	5,167,605,282	4,493,753,482	2,127,178,011
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35,014,403	27,097,374,482	10,361,718,420	16,770,670,465
Thuế thu nhập cá nhân	6,095,693	371,890,208	134,499,104	243,486,797
Thuế tài nguyên		16,670,628,252	14,561,642,747	2,108,985,505
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		2,772,844,256	2,772,844,256	-
Thuế khác		2,511,574,107	1,314,590,140	1,196,983,967
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		8,226,488,698	7,330,017,418	896,471,280
b. Phải thu	-	102,168,835	1,472,116,972	(1,369,948,137)
Thuế giá trị gia tăng			226,435,035	(226,435,035)
Thuế thu nhập cá nhân		102,168,835	197,840,200	(95,671,365)
Thuế khác			1,047,841,737	(1,047,841,737)
Cộng	1,494,436,307	62,920,574,120	42,441,182,539	21,973,827,888

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số kỳ đầu
a. Ngắn hạn	4,853,127,969	-
- Lãi vay, trái phiếu	36,553,172	
- Tạm trích chi phí giá vốn hàng hóa, thành phẩm	4,174,988,169	
- Trích trước, chi phí, điện nước, thuê văn phòng	641,586,628	
b. Dài hạn	-	-
Cộng	4,853,127,969	-

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số kỳ đầu</i>
a. Ngắn hạn	38,714,657,420	4,067,532,222
- Tài sản thừa chờ xử lý	421,833,238	
- KPCD, BHXH, BHYT, BHTN	338,725,386	19,456,840
- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	-	350,000,000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	37,954,098,796	3,698,075,382
Trong đó:		
+ Nguyễn Thế Tài		910,076,800
+ Nguyễn Hồ Nam		2,786,599,082
+ Công ty CP TM Giải pháp Tre		1,399,500
+ Kiều Quốc Dũng	500,000,000	
+ Công nợ DA NM Bột giấy Phương Nam	12,270,680,237	
+ Tổng Cty đầu tư và KD vốn NN- SICI	3,213,038,810	
+ Ông Mai Năm - CN Đà Nẵng	10,461,992,451	
+ Cty TNHH MTV Kiên Thịnh Phát	2,356,774,200	
+ Cty TNHH Hương Phát - TriTôn	1,177,546,752	
+ DNTN Nguyễn Thông-TriTôn	1,499,295,167	
+ Cty TNHH Cơ Khí Phong Doanh	1,283,700,000	
+ Cty TNHH MTV Nghĩa Quốc Đạt	1,509,000,000	
+ Đinh Văn Nam	2,329,146,000	
+ Khác	1,352,925,179	

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số kỳ đầu</i>
b. Dài hạn	13,453,911,611	264,213,477,600
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	8,482,684,011	
- Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	757,750,000	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4,213,477,600	264,213,477,600
+ Đỗ Thị Minh Đức		260,000,000,000
+ Nguyễn Hồ Nam (*)	212,091,600	212,091,600
+ Nguyễn Việt Cường (*)	540,840,000	540,840,000
+ Nguyễn Đức Vinh (*)	144,280,000	144,280,000
+ Đỗ Giáng Hương (*)	276,420,000	276,420,000
+ Mai Thị Mai (*)	510,700,000	510,700,000
+ Công ty CP DV Bảo vệ Đại Nam (*)	200,000,000	200,000,000
+ Trương Anh Thư (*)	2,329,146,000	2,329,146,000

c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán

() Số dư tại ngày 30/06/2015 là khoản phải trả từ các hợp đồng ủy thác của các cá nhân, tổ chức để thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư mua 326.500 CP Công ty CP Khai thác Khoáng sản Bắc Hà.*

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
a. Số dư đầu kỳ trước	21,600,000,000	-	-	(18,934,583,402)	-	2,665,416,598
Tăng trong kỳ trước	-	-	-	18,952,442,147		18,952,442,147
- Tăng vốn trong kỳ trước						-
- Lợi nhuận tăng trong năm trước				18,952,442,147		18,952,442,147
Giảm trong kỳ trước	-	-	-	-		-
- Lợi nhuận giảm trong kỳ trước						-
- Trích lập các quỹ theo biên bản họp đại HĐCĐ	-	-	-	-		-
- Chia cổ tức						-
- Giảm khác						-
b. Số dư đầu kỳ này	21,600,000,000	-	-	17,858,745	-	21,617,858,745

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Tăng trong kỳ này	385,400,000,000	-	-	39,806,036,445	62,613,238,030	425,206,036,445
- Tăng vốn trong kỳ này	385,400,000,000					385,400,000,000
- Lợi nhuận tăng trong kỳ này				39,806,036,445	12,609,525,718	52,415,562,164
- Tăng do hợp nhất Công ty con					50,003,712,312	50,003,712,312
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu						
Giảm trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận giảm trong kỳ này						
- Trích lập các quỹ theo biên bản họp đại HĐCĐ						
- Chia cổ tức						
- Giảm khác						
c. Số dư cuối kỳ này	407,000,000,000	-	-	39,823,895,190	62,613,238,030	509,437,133,220

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số kỳ đầu</i>
- Nguyễn Hồ Nam	24,166,940,000	6,480,000,000
- Trần Thị Kiều Tiên	14,691,060,000	
- Nguyễn Tuấn Đức	-	6,480,000,000
- Nguyễn Thế Tài	22,900,000,000	6,480,000,000
- Công ty TNHH MTV ĐT PT Trường Thành Việt Nam	4,300,000,000	
- Nguyễn Thanh Hùng	300,000,000	2,160,000,000
- Tổ chức, cá nhân khác	340,642,000,000	
Cộng:	407,000,000,000	21,600,000,000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	21,600,000,000	21,600,000,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	385,400,000,000	
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	407,000,000,000	21,600,000,000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số kỳ đầu</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40,700,000	2,160,000
+ Cổ phiếu phổ thông	40,700,000	2,160,000

- Số lượng Cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40,700,000	2,160,000
+ Cổ phiếu phổ thông	40,700,000	2,160,000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đồng/cổ phiếu

e. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:

- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

f. Các quỹ của doanh nghiệp

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ	Số kỳ đầu
<small>BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015 >> 154</small>		
c. Ngoại tệ các loại		
- USD	47,745.00	100.45
- EUR	606.95	
- JPY	859,340	

d. Vàng tiền tệ

đ. Nợ khó đòi đã xử lý (*) 10,865,430,489

e. Các thông tin khác

(*) Phát sinh do hợp nhất kinh doanh từ Công ty con - Công ty Tracodi

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
a. Doanh thu	975,098,385,347	17,394,727,270
+ Doanh thu cung cấp hàng hoá	822,012,870,107	600,000,000
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	12,455,318,247	16,794,727,270
+ Doanh thu hợp đồng xây dựng	62,168,935,585	
+ Doanh thu khai thác đá	78,461,261,408	
b. Các khoản giảm trừ doanh thu	56,036,597	-
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại	56,036,597	

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
- Giá vốn hàng hóa đã bán	760,585,485,246	600,000,000
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	9,866,783,891	180,000,000
- Giá vốn xây lắp	61,220,993,633	-
- Giá vốn khai thác khoáng sản	45,812,253,599	
Cộng	877,485,516,369	780,000,000

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2,634,372,199	797,967
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	26,271,514,514	4,900,000,000
- Lãi mua rẻ khi hợp nhất kinh doanh	18,325,665,765	
- Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu	11,397,949,837	
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	473,202,465	
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	106,173	
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	25,814,312	
Cộng	59,128,625,265	4,900,797,967

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
- Chi phí lãi vay	16,677,024,758	
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,919,852,494	
- Chi phí tài chính khác	572,926,788	
- Các khoản ghi giảm chi phí tài chính		
Cộng	19,169,804,040	-

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	16,472,692,391	-
- Chi phí nhân viên quản lý	3,675,687,000	
- Chi phí vật liệu, bao bì	97,219,000	
- Thuế, phí và lệ phí	25,097,900	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7,749,501,914	
- Chi phí bằng tiền khác	4,925,186,577	
b. Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong kỳ	61,311,929,131	2,431,160,558
- Chi phí nhân viên quản lý	12,184,736,624	250,795,242
- Chi phí vật liệu quản lý	589,798,470	692,933,990
- Chi phí đồ dùng văn phòng	683,875,802	
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1,409,989,469	80,816,748
- Thuế, phí và lệ phí	549,978,873	1,615,967
- Dự phòng nợ khó đòi	11,355,500,529	
- Phân bổ lợi thế thương mại	23,774,176,203	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,872,394,749	1,347,508,287
- Chi phí bằng tiền khác	5,891,478,412	57,490,324
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí QLDN		

6. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	855,618,365,139	692,933,990
- Chi phí nhân công	20,066,518,751	250,795,242
- Chi phí khấu hao TSCĐ	4,018,843,150	80,816,748
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	18,626,247,961	1,347,508,287
- Chi phí bằng tiền khác	16,255,225,758	57,490,324
Cộng	914,585,200,759	2,429,544,591

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	70,895,205,487	18,987,456,550
- Các khoản điều chỉnh tăng		105,878,684
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	9,444,698,599	105,878,684
- Các khoản điều chỉnh giảm		
- Tổng thu nhập chịu thuế	61,450,506,888	19,093,335,234
+ Lỗ từ các năm chuyển sang		(18,934,178,857)
- Tổng thu nhập tính thuế	61,450,506,888	159,156,377
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	14,906,138,499	35,014,403
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	13,519,111,515	35,014,403
+ Khoản thuế truy thu	1,387,026,984	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	3,573,504,824	-
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	52,415,562,164	18,952,442,147

8. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015	Năm 2014
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	39,806,036,445	18,952,442,147
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
- CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	40,700,000	40,700,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	978	466

9. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015	Năm 2014
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	39,806,036,445	18,952,442,147
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	40,700,000	40,700,000
- Cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm		
+ Công cụ tài chính có thể chuyển đổi		
+ Cổ phiếu phổ thông phát hành có điều kiện		
+ Quyền chọn bán đã phát hành		
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	978	466

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong kỳ, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Đối tượng liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Lương, thưởng, phụ cấp khác	1,026,000,000

2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty lập báo cáo bộ phận theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

	TP. HCM	Bình Định - Phú Yên	An Giang	Tổng cộng
Doanh thu thuần	660,572,830,667	236,008,256,675	78,461,261,408	975,042,348,750
Giá vốn	629,770,347,836	201,902,914,934	45,812,253,599	877,485,516,369
Lợi nhuận gộp	30,802,482,831	34,105,341,741	32,649,007,809	97,556,832,381

3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 01/01/2015		Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần	Giá trị thuần
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	27,925,351,416		20,582,606		27,925,351,416	20,582,606
Phải thu khách hàng và phải thu khác	325,184,534,972	(22,842,343,701)	8,441,591,951		302,342,191,271	8,441,591,951
Đầu tư ngắn hạn	16,743,404,327	(251,539,200)	-		16,491,865,127	-
Đầu tư dài hạn	46,257,267,524	(1,142,024,025)	268,755,077,600		45,115,243,499	268,755,077,600
Tổng	416,110,558,239	(24,235,906,926)	277,217,252,157	-	391,874,651,313	277,217,252,157

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 01/01/2015		Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần	Giá trị thuần
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	111,837,501,641		-		111,837,501,641	-
Phải trả người bán và phải trả khác	250,397,586,316		297,278,937,567		250,397,586,316	297,278,937,567
Chi phí phải trả	4,853,127,969		-		4,853,127,969	-
Tổng	367,088,215,926	-	297,278,937,567	-	367,088,215,926	297,278,937,567

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên, có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định chính thức vào ngày 31/12/2015 và 01/01/2015. Công ty ước tính giá trị hợp lý và giá trị sổ sách của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính không có chênh lệch trọng yếu.

4. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, đầu tư chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

a - Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý Rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì Rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của công ty (khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với tiền tệ chức năng của công ty).

Do công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các Rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

b - Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Rủi ro tín dụng từ các khoản phải thu khách hàng được quản lý bằng cách áp dụng hạn mức thanh toán do Ban Tổng giám đốc Công ty phê duyệt. Quá trình thanh toán của khách hàng và mức độ rủi ro tín dụng được Trưởng phòng Kinh doanh và Kế toán trưởng theo dõi liên tục và báo cáo cho Ban Tổng giám đốc.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

c - Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Số đầu năm			
Vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	33,065,459,967	264,213,477,600	297,278,937,567
Chi phí phải trả			-
Tổng	33,065,459,967	264,213,477,600	297,278,937,567

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Số đầu năm			
Vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	33,065,459,967	264,213,477,600	297,278,937,567
Chi phí phải trả			-
Tổng	33,065,459,967	264,213,477,600	297,278,937,567

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20,582,606		20,582,606
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8,441,591,951	-	8,441,591,951
Đầu tư tài chính	-	268,755,077,600	268,755,077,600
Cộng	8,462,174,557	268,755,077,600	277,217,252,157

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	27,925,351,416		27,925,351,416
Phải thu khách hàng và phải thu khác	302,342,191,271	-	302,342,191,271
Đầu tư tài chính	16,491,865,127	45,115,243,499	61,607,108,626
Cộng	346,759,407,814	45,115,243,499	391,874,651,313

5. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH DOANH

	Đơn vị tính	31/12/2015	01/01/2015
Chỉ tiêu			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng số tài sản	%	50.2%	15.4%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	49.8%	84.6%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	42.2%	93.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	57.8%	6.8%
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán tức thời	lần	0.08	0.00
Khả năng thanh toán nhanh	lần	1.03	0.26
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1.31	1.49
		Năm nay	Năm trước
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	6.8%	85.2%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	5.1%	85.0%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	8.1%	6.0%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	6.0%	5.9%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	10.3%	87.7%

6. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán. Số liệu này được phân loại lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính để so sánh.

Thực hiện theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính, Công ty thực hiện điều chỉnh một số chỉ tiêu đầu năm của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán như sau:

Chỉ tiêu	Mã số TT200/QĐ15	Theo Thông tư 200/2014/ TT-BTC	Theo Quyết định 15/2009/ QĐ-BTC	Chênh lệch
A. Bảng cân đối kế toán				
Các khoản phải thu khác	136/138	4,957,162,286	4,503,841,074	453,321,212
Tài sản ngắn hạn khác	155/158	-	453,321,212	(453,321,212)
Tài sản dài hạn khác	268/268	-	600,827,373	(600,827,373)
Phải thu dài hạn khác	216/218	600,827,373	-	600,827,373
B. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
C. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hiền

Hoàng Thị Minh Châu

Nguyễn Thế Tài

CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

 +84 62 680 680

 +84 62 99 11 88

 www.bamboocap.com.vn